

THÔNG TIN

# Khoa học & Công nghệ



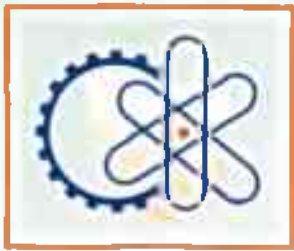
Số 2 - 2008 (60)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 35 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.821377



## HƯỚNG ĐẾN MỘT NỀN KINH TẾ ÍT CACBON

- 🌀 Bảo vệ môi trường - nền tảng để phát triển du lịch Đà Lạt
- 🌀 Quan trắc môi trường và vấn đề kiểm soát chất thải của doanh nghiệp
- 🌀 Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong nhà trường phổ thông tại Lâm Đồng
- 🌀 Bảo vệ môi trường trong phát triển và hội nhập tại Lâm Đồng - những vấn đề cần quan tâm



# Thông tin

# Khoa học & công nghệ

SỔ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Số 2.2008

**Tổng biên tập:**

**NGUYỄN MINH TÂM**

**Trình bày:**

**NGUYỄN HỮU THANH TUỆ**

## TRONG SỐ NÀY

- 1 **Lê Văn Lai** - Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong nhà trường phổ thông tại Lâm Đồng
- 4 **Hoàng Ngọc Huy** - Bảo vệ môi trường - nền tảng để phát triển du lịch Đà Lạt
- 5 **Chu Tuấn** - Tình hình ve sầu gây hại cây cà phê và một số biện pháp phòng ngừa
- 8 **Lương Văn Ngự** - Bảo vệ môi trường trong phát triển và hội nhập tại Lâm Đồng - những vấn đề cần quan tâm
- 11 **Lê Quang Nghiệp** - Xây dựng chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học tại Lâm Đồng
- 15 **Phạm Thị Nhâm** - Áp dụng EUREPGAP trong sản xuất chè
- 17 **Đặng Hữu Huy** - Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở nước ngoài
- 19 Công nghệ cần bán
- 20 **Trần Thị Thùy Dương** - Quan trắc môi trường và vấn đề kiểm soát chất thải của doanh nghiệp
- 22 **Hoàng Cẩm Tú** - TBT Lâm Đồng sau một năm Việt Nam gia nhập WTO
- 24 **Nguyễn Hữu Tranh** - ABC Đà Lạt
- 26 **Nguyễn Thọ Biên** - Những cây hoa làm thuốc
- 28 **Phan Quốc Hùng** - Nhập nội giống chè ở Lâm Đồng - kết quả và định hướng
- 30 Điều tra, xác định nguyên nhân gây biến dạng cà rốt và xây dựng hiện pháp phòng ngừa
- 32 Tin hoạt động KHCN 6 tháng đầu năm 2008



**HƯỚNG ĐIEN MỘT NỀN KINH TẾ HIỆN ĐẠI**

- Bảo vệ môi trường - số 1 trong số phát triển du lịch Đà Lạt
- Công nghệ và thực phẩm môi trường: hướng tới sự phát triển bền vững và an toàn
- Bảo vệ môi trường trong nhà kính: những vấn đề cần quan tâm
- Quan trắc môi trường và vấn đề kiểm soát chất lượng sản phẩm nông nghiệp

## **GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG TẠI LÂM ĐỒNG**

**LÊ VĂN LAI**

*Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng*

Môi trường là cái nôi của sự sống muôn loài, đáp ứng các điều kiện cần thiết cho cuộc sống con người. Nhưng khả năng cung cấp của môi trường không phải là vô hạn. Để thúc đẩy phát triển kinh tế, con người đã sử dụng những thành quả của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật tác động vào môi trường. Sự khai thác, sử dụng quá mức và thiếu tính toán hợp lý đã làm cho nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, suy thoái trầm trọng. Sự tác động ngày càng sâu sắc của con người vào thiên nhiên đã phá vỡ cân bằng sinh thái của môi trường tự nhiên, gây nên nhiều hậu quả mà con người phải đối mặt.

Ở nước ta, quá trình phát triển kinh tế trong những năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn. Cùng với sự phát triển, nhu cầu khai thác tài nguyên thiên nhiên, sử dụng các nguồn năng lượng ngày càng gia tăng. Điều đó đã và đang phát sinh hàng loạt các vấn đề về môi trường như: nguồn tài nguyên cạn kiệt, tình trạng ô nhiễm nguồn nước diễn ra khắp nơi... Môi trường ở nước ta đang đứng trước những thách thức nghiêm trọng. Các vấn đề về môi trường đã và đang gây ra những ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng cuộc sống của cộng đồng và đe dọa sự ổn định của quá trình phát triển kinh tế đất nước.

Vì vậy, việc giáo dục ý thức bảo vệ môi

trường cho mọi người dân trong cộng đồng nói chung và cho thế hệ trẻ ở các nhà trường phổ thông nói riêng là một biện pháp tích cực, có ý nghĩa đối với việc bảo vệ môi trường sống cho hôm nay và cả mai sau.

Trước những yêu cầu bức bách về việc bảo vệ môi trường hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng đã xây dựng kế hoạch lâu dài, triển khai nhiều hoạt động giáo dục môi trường trong các nhà trường phổ thông trên địa bàn để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh.

### **1. Cung cấp những kiến thức về môi trường cho học sinh**

Mục tiêu chung của hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường phổ thông là trang bị những kiến thức cơ bản về môi trường, các thành phần của môi trường và



Trường Trung học phổ thông Đa Tềh





Trường Trung học cơ sở Phan Chu Trinh (Đà Lạt)

mối liên hệ tác động giữa chúng với nhau, vai trò của môi trường đối với con người và sự tác động của con người đối với môi trường.

Kiến thức là một trong những yếu tố cơ bản hình thành ý thức và thái độ thân thiện đối với môi trường của học sinh. Thông qua việc lồng ghép, tích hợp các kiến thức về giáo dục môi trường trong chương trình nội khóa và ngoại khóa, nhà trường đã thực hiện có hiệu quả hoạt động này.

Sở đã cử giáo viên cốt cán tham dự các lớp huấn luyện về môi trường ở khu vực và quốc gia. Tại địa phương, nhiều lớp tập huấn được tổ chức đề hướng dẫn giáo viên phương pháp lồng ghép, tích hợp kiến thức về môi trường vào chương trình nội khóa thông qua các bộ môn có liên quan mật thiết đến môi trường như Giáo dục công dân, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Công nghệ, Ngữ văn,...

Đặc biệt, trong năm học 2000-2001, tất cả các trường phổ thông đã tham gia vào hoạt động giáo dục nhận thức về môi trường cho học sinh do Dự án VIE/98/018 - Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai. Qua các hoạt động đó, nhà trường đã giáo dục ý thức quan tâm đối với môi trường, từng bước xây dựng tình cảm tôn trọng, yêu thích thiên nhiên, lòng tha thiết muốn được bảo vệ môi trường sống trong lành, làm cho việc bảo vệ môi trường trở thành thói quen và nếp sống của mỗi học sinh.

## 2. Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động ngoại khóa

Không chỉ dừng lại ở hoạt động nhận thức, cung cấp cho học sinh lĩnh hội tri thức về môi trường mà việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa bảo vệ môi trường đều được các nhà trường quan tâm triển khai dưới nhiều hình thức phong phú như tổ chức thi tìm hiểu về môi trường, thi vẽ tranh, trồng cây xanh, lao động dọn dẹp vệ sinh khuôn viên nhà trường, tổ chức các câu lạc bộ dưới hình thức hội thảo, dã ngoại, đồ vui, hát múa kể chuyện về môi trường.

Nhiều trường đã thực hiện tốt phong trào xanh hóa nhà trường, triển khai trồng cây xanh, xây dựng vườn trường, vườn hoa cây cảnh tạo nên những cảnh quan môi trường học tập xinh đẹp và mát mẻ. Hoạt động này có ý nghĩa rất lớn trong việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, điển hình như trường THPT Đa Têh, THPT PRó, DTNT Đa Têh, THCS Phan Chu Trinh (Đà Lạt), THCS Lộc Sơn (Bảo Lộc), THCS Lê Lợi (Di Linh).

Trong điều kiện hiện tại, các trường học còn gặp rất nhiều khó khăn về kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất. Một số trường đã nỗ lực vận động sự ủng hộ của phụ huynh học sinh và doanh nghiệp tại địa phương để trang bị thùng rác, tổ chức phân loại và tái



Trường Trung học cơ sở Phan Chu Trinh (Đà Lạt)

chế rác nhằm gắn hoạt động thực tiễn với bảo vệ môi trường, giúp học sinh thấy được lợi ích trước mắt và lâu dài của công tác bảo vệ môi trường.

Ý thức giáo dục về môi trường cũng được nhà trường nâng cao bằng việc phát huy vai trò của các tổ chức Đội Thiếu niên tiên phong, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong việc phối hợp triển khai các hoạt động như tham gia dọn dẹp vệ sinh đường phố, trồng cây xanh, trồng hoa dọc theo các tuyến đường... Việc mở rộng phạm vi hoạt động bảo vệ môi trường không chỉ góp phần nâng cao ý thức cho học sinh trong nhà trường mà còn có ý nghĩa tác động tích cực đến người dân trong cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường.

### 3. Giáo dục ý thức trách nhiệm và tình cảm vì môi trường

Việc giáo dục ý thức trách nhiệm và tình cảm vì môi trường cho học sinh phải được xây dựng trên cơ sở giáo dục tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương đất nước. Sự hiểu biết sâu sắc và yêu quý vẻ đẹp của thiên nhiên là yếu tố cơ bản làm nảy sinh ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với việc bảo vệ môi trường.

Hoạt động được nhiều trường học tại Lâm Đồng triển khai trong những năm qua để giáo dục ý thức trách nhiệm và tình cảm vì môi trường cho học sinh là tổ chức các buổi tham quan dã ngoại tìm hiểu về môi trường tại Thung lũng Vàng, Phân viện Sinh học của trường THCS Phan Chu Trinh (Đà Lạt); tổ chức cắm trại của trường Hermann Gmeiner... Đây là những đơn vị triển khai hiệu quả các chương trình về môi trường, thu hút nhiều học sinh tham gia, tạo được hứng thú trước vẻ đẹp của thiên nhiên đối với học sinh, sự gắn gũi thân thiện với môi trường.

### 4. Tổ chức thi đua, xây dựng các trường điểm về bảo vệ môi trường

Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể về môi trường để triển khai đến các đơn vị cơ sở. Kết quả hoạt động môi trường là một trong những tiêu chí được đưa vào nội dung thi đua để xếp loại các đơn vị trường học. Ở cấp trường, việc dọn dẹp vệ sinh hàng ngày, chăm sóc bảo vệ cây xanh... được đưa vào đánh giá, xếp loại thi đua hàng tuần, tháng, học kỳ và năm học của các lớp. Thông qua triển khai công tác thi đua đã động viên, khích lệ ý thức trách nhiệm vì môi trường của học sinh.

Bên cạnh việc tổ chức tốt công tác thi đua, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo xây dựng được 40 đơn vị trường điểm ở các địa bàn khác nhau trong toàn ngành để thực hiện công tác môi trường. Các trường điểm đã và đang trở thành những môi trường học tập tốt, tiêu biểu của từng địa bàn. Đây là niềm tự hào của học sinh, qua đó tình cảm gắn bó với ngôi trường, thiên nhiên ngày càng được thắt chặt.

Có thể nói, công tác triển khai hoạt động giáo dục ý thức về môi trường cho học sinh trong nhà trường phổ thông tại Lâm Đồng đã đạt được một số kết quả nhất định. Vấn đề giáo dục ý thức trách nhiệm và tình cảm vì môi trường là một quá trình lâu dài, đòi hỏi nhiều công sức, tâm huyết của nhà trường và tập thể đội ngũ giáo viên. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ quản lý trong nhà trường phải thấy được trách nhiệm đối với việc bảo vệ môi trường để có những biện pháp giáo dục học sinh thường xuyên, tổ chức các hoạt động mang tính giáo dục cao và có sức thu hút học sinh tham gia một cách tự nguyện, thích thú. Như vậy mới xây dựng được ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh mang tính bền vững, góp phần hình thành nhân cách của con người mới trong thời kỳ đất nước hội nhập với nền kinh tế thế giới. ■

## **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NỀN TẢNG ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐÀ LẠT**

**HOÀNG NGỌC HUY**

*Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng*

**D**u lịch Đà Lạt – Lâm Đồng được phát triển dựa trên những tiềm năng thiên nhiên và nhân văn đa dạng, phong phú: khí hậu mát mẻ quanh năm, môi trường trong lành, phong cảnh thiên nhiên thơ mộng, con người hiền hòa, thanh lịch và mến khách.

Cấu trúc địa hình đã tạo cho Đà Lạt – Lâm Đồng nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp, nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Đặc biệt, với trên 60% độ che phủ của rừng, thành phố Đà Lạt thực sự trở thành một thành phố trong rừng và rừng trong thành phố.

Lâm Đồng là nơi hội tụ của hơn 40 dân tộc anh em với nhiều phong tục tập quán văn hóa độc đáo, tiêu biểu như nền văn hóa dân tộc K'ho, Mạ, Churu, M'ông, ... Nhiều ngành nghề và lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số đã và đang được khôi phục, phát triển như dệt thổ cẩm, đan lát, nhạc cụ dân tộc, rượu cần, công chiêng, ...

Với những lợi thế trên, Đà Lạt – Lâm Đồng có điều kiện để phát triển mạnh về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, hội nghị – hội thảo, đồng thời cũng là trung tâm nghiên cứu khoa học, đào tạo của cả nước. Tuy nhiên, quá trình khai thác các nguồn lực tài nguyên phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội nói chung và du lịch nói riêng đã làm cho các thể mạnh đó ngày càng cạn kiệt, xuống cấp, biến dạng và giảm giá trị trên nhiều mặt, làm cho hình ảnh của Đà Lạt – Lâm Đồng vốn rất đẹp, thơ mộng, hấp dẫn đã giảm đi nhiều trong tâm trí du khách.

Để tái lập, phát triển hình ảnh đẹp của Đà Lạt – Lâm Đồng với đầy đủ giá trị vốn có và nổi tiếng từ lâu, chúng ta cần có kế hoạch và các giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm xây dựng một môi trường du lịch phát triển bền vững. Để làm được điều đó, chúng ta cần tập trung thực hiện một số vấn đề cấp thiết sau:

- Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa về bảo vệ, nâng cấp và phát triển môi trường cảnh quan trên địa bàn toàn tỉnh. Xây dựng Đà Lạt thành thành phố xanh đầu tiên của Việt Nam, thành phố hoa và là trung tâm du lịch sinh thái.

- Xây dựng cơ chế, chính sách quản lý chặt chẽ và thống nhất đối với các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa; hướng các đơn vị, cá nhân quản lý danh lam thắng cảnh phải có sự đầu tư phát triển mang tính toàn diện để vừa khai thác kinh doanh, vừa bảo vệ, nâng cấp tôn tạo môi trường cảnh quan.

- Xây dựng và thực thi nghiêm minh các chính sách bảo vệ môi trường, chặn đứng mọi sự phá hại tới các nguồn tài nguyên môi trường. Tiếp tục bảo vệ và phát triển vốn rừng, đặc biệt là những cánh rừng thông, góp phần bảo tồn và phát triển sự đa dạng sinh học, những nguồn gen động, thực vật quý hiếm; đảm bảo giữ môi trường tự nhiên xanh – sạch – đẹp.

- Khẩn trương thực hiện các đồ án quy hoạch chi tiết kiến trúc chủ đạo khu trung tâm

*(Xem tiếp trang 23)*



## TÌNH HÌNH VE SÀU GÂY HẠI CÂY CÀ PHÊ VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

**CHU TUẤN**

*Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam*

### I. Tình hình chung

Cà phê là một trong những loại cây trồng chủ lực của tỉnh Lâm Đồng. Thu nhập từ sản xuất cà phê chiếm tỷ trọng cao trong GDP của ngành nông nghiệp địa phương. Diện tích trồng cà phê của tỉnh năm 2007 khoảng 121.666 ha, với sản lượng hàng năm đạt trên 240.000 tấn, đứng thứ 2 trong cả nước (sau tỉnh Đắk Lắk).

Những năm trước đây, trên cây cà phê chỉ xuất hiện một số dịch hại phổ biến như: một đục cành, rệp sáp, rệp các loại, sâu đục thân, nấm hồng, rỉ sắt, khô cành khô trái, nấm và tuyến trùng gây hại trong đất. Trong những năm gần đây, hiện tượng ve sầu gây hại trên cây cà phê đã xuất hiện và ngày càng gây hại trên diện rộng.

Ve sầu được phát hiện ở Đắk Lắk và

Đắk Nông từ năm 2004. Tháng 6/2006, trên địa bàn huyện Di Linh đã xuất hiện ấu trùng ve sầu gây hại trên diện tích 500 ha cà phê (chủ yếu cà phê kinh doanh trồng trên 10 năm). Đến tháng 10/2006, ve sầu đã gây hại ở hầu hết các vùng trồng cà phê Robusta của tỉnh. Riêng tại 2 huyện Di Linh và Bảo Lâm đã có 9.291 ha nhiễm với mật độ từ 20-60 con/gốc.

Tháng 8/2007, ve sầu xuất hiện và gây hại tại Lâm Hà, Đức Trọng và Bảo Lộc, nâng tổng diện tích nhiễm ve sầu toàn tỉnh là 21.437 ha, gồm: Di Linh (9.191 ha), Bảo Lâm (5.786 ha), Đức Trọng (4.360 ha), Lâm Hà (1.700 ha), Bảo Lộc (400 ha). Diện tích nhiễm nặng tăng nhiều nhất vào tháng 4 trên tổng diện tích 16.601 ha bị hại, trong đó có 4.564 ha bị hại nặng. Toàn tỉnh có 210 ha cà phê bị vàng lá, chủ yếu tại Di Linh



(Biểu hiện triệu chứng vàng lá)

(160 ha), tập trung ở các xã Gia Hiệp, Hòa Bắc, Gung Ré, Tân Thượng, nông trường Đinh Trang Hòa và thị trấn Di Linh; Bảo Lâm (khoảng 50 ha). Các huyện khác như Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông và thị xã Bảo Lộc tình hình gây hại của bệnh vàng lá còn rải rác, ở mức độ gây hại nhẹ.

Cho đến nay, toàn tỉnh có 20.050 ha cà phê bị ấu trùng ve sầu gây hại. Trong đó, 2.323 ha bị hại nặng với mật độ trung bình 24,5 con/gốc, có nơi mật độ cao khoảng 280 con/gốc... Nhiều vườn cà phê bị vàng lá, chủ yếu ở Di Linh (Liên Đầm, Đinh Trang Thượng, Tân Thượng), Bảo Lâm (Lộc An, Lộc Ngãi), Đức Trọng (Ninh Gia, Bình Thạnh) và Lâm Hà (Hoài Đức, Phúc Thọ). Khả năng ấu trùng ve sầu tiếp tục gây hại nặng ở các vùng chưa nhiễm nặng năm 2007 là khá cao. (Theo số liệu Chi cục Bảo vệ thực vật Lâm Đồng).

## II. Triệu chứng

Ve sầu gây hại cả trên cành cây cà phê lẫn dưới mặt đất. Chúng trưởng thành và đẻ trứng trên các cành nhỏ làm suy kiệt hoặc chết cành. Sâu non chích hút làm bộ rễ chậm phát triển, cây còi cọc.

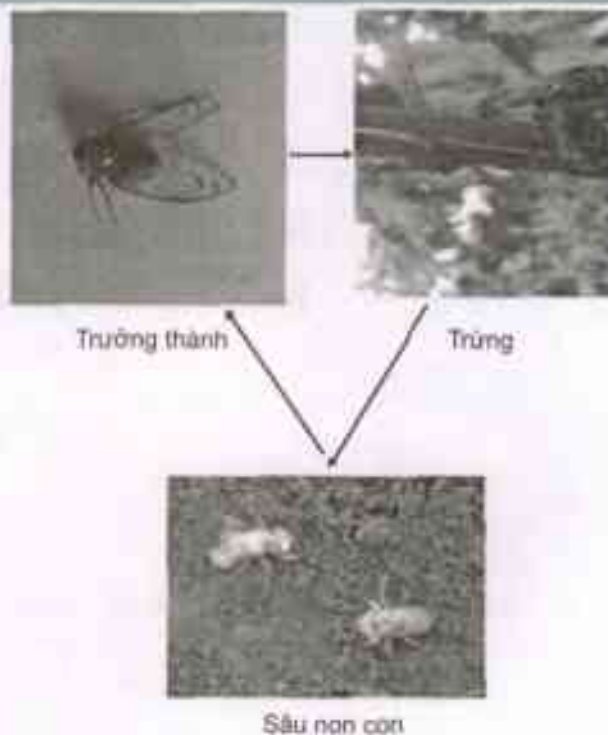
Cây cằn cọc, lá úa vàng, có biểu hiện héo, cành dinh dưỡng và chồi vượt kém phát triển, quả non phát triển chậm. Ở một số cây bị hại nặng, quả non rụng bất thường ngay cả khi cây đã được bón phân, chăm sóc đầy đủ. Rễ phân trên mặt và ở độ sâu 15 cm phát triển kém. Một số rễ bị đen, khô từ đầu rễ, cây không ra được rễ non, số lượng rễ tơ giảm rõ rệt.

## III. Nguyên nhân xuất hiện và gây hại

**Nguyên nhân xuất hiện dịch ve sầu:** Do bà con nông dân, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không cân đối, làm mất cân bằng hệ sinh thái trong vườn cà phê như: sử dụng thuốc làm giảm một số loài thiên địch, kiến vàng mà kiến vàng có khả năng kìm hãm trứng ve sầu...

**Nguyên nhân gây hại:**

Ve sầu thuộc họ *Cicadidae*. Bộ cánh đều *Homoptera*. Vòng đời ve sầu có 3 pha: trưởng thành, trứng và sâu non. Trong 3 pha thì pha sâu non và trưởng thành gây hại. Tuy



(Vòng đời của ve sầu hại cà phê)

nhiên, mức độ gây hại ở pha trưởng thành không đáng kể. Pha sâu non gây hại gián tiếp và trực tiếp. Sau khi rơi xuống đất, chúng đào bới, chui xuống đất và hút chất dinh dưỡng của bộ rễ cà phê (chủ yếu là bộ rễ tơ) làm giảm khả năng cung cấp dinh dưỡng, nước cho cây. Ngoài ra, trong quá trình gây hại đã để lại vết thương tạo điều kiện thuận lợi cho các loài nấm, vi khuẩn và tuyến trùng tấn công vào gây tắc mạch dẫn của rễ, làm rễ không có khả năng hút được dinh dưỡng, nước gây hiện tượng vàng úa cây cà phê.

Trong năm, giai đoạn đầu tháng 4 bắt đầu xuất hiện trưởng thành, tháng 6-8 pha trưởng thành xuất hiện rõ. Sau khi trưởng thành, con đực và cái giao phối với nhau, trứng được đẻ ở các vị trí cành non, phía mặt dưới. Sau đó, trứng nở ra, sâu non rơi xuống đất, hoàn thành chu kỳ sống trong đất ở bộ phận rễ cây cà phê.

Hiện nay, Chi cục Bảo vệ thực vật Lâm Đồng đã gửi mẫu đến các cơ quan chuyên môn và định danh được 2 loài ve sầu gây hại cà phê tại Lâm Đồng là *Purana guttularis* Walker và *Pomponia* sp. Vòng đời của loài *Purana guttularis* Walker và *Pomponia* sp chưa xác định được. Ngoài ra, một số loài ve sầu khác hiện tại chưa định danh.



Năm 2007, Chi cục Bảo vệ thực vật Lâm Đồng đã thu thập 20 mẫu đất, rễ ở các cây cà phê bị vàng lá do ấu trùng ve sầu gây hại và cây cà phê không có ấu trùng ve sầu gây hại để phân tích, giám định các tác nhân nấm, vi khuẩn, tuyến trùng ký sinh rễ. Kết quả cho thấy:

Ấu trùng ve sầu gây hại làm tăng một số quần thể tuyến trùng ký sinh rễ cây cà phê. Có 3 loài tuyến trùng ký sinh rễ cây cà phê: *Meloidogyne* sp, *Aphelenchoides* sp *Tylenchus* sp. Trong đó, tuyến trùng *Aphelenchoides* sp có vai trò đáng kể trong việc gây hại rễ cà phê liên quan đến hiện tượng vàng lá cà phê. Mật độ và loài tuyến trùng có thể xuất hiện khác nhau ở các mẫu đất hoặc rễ đã phân tích.

Hiện tượng cây cà phê bị vàng lá do nhiều tác nhân riêng rẽ hoặc phối hợp với ấu trùng ve sầu, tuyến trùng *Aphelenchoides* sp ký sinh, nấm *Fusarium* sp. Ấu trùng ve sầu hại rễ làm tăng rõ rệt mật độ các loài tuyến trùng ký sinh rễ cây cà phê.

Mối tương quan giữa triệu chứng vàng lá và mật độ ve sầu tuy không rõ nhưng sự gây hại của ấu trùng ve sầu có ảnh hưởng đến bộ rễ cây cà phê là rõ rệt.

Theo phân cấp tạm thời của Chi cục Bảo vệ thực vật Lâm Đồng để tiến hành điều tra dự tính, dự báo ấu trùng ve sầu như sau: nhiễm nhẹ từ 40-80 con/gốc, trung bình từ 80-160 con/gốc, nhiễm nặng >160 con/gốc.

#### IV. Biện pháp phòng chống

**Dưa vào tập tính hoạt động của ve sầu:** bắt đầu xuất hiện ve sầu trưởng thành đầu tháng 4 và xuất hiện rộ vào tháng 6-8 hàng năm. Do vậy, cần can thiệp vào giai đoạn tháng 4-6 để hạn chế trưởng thành và sâu non ở thời điểm tháng 8-11 hàng năm.

**Biện pháp canh tác:** Tạo tán hợp lý, tia cành thường xuyên, cào bón sau thu hoạch, có thể dùng tầm xe máy chọc xuống các lỗ để giết ấu trùng (áp dụng trên các vườn thô cù, tận dụng lao động phụ). Bón phân cân đối và hợp lý theo đúng qui trình, tăng cường sử dụng phân hữu cơ, phân chuồng.

**Các biện pháp sinh học:** Bảo vệ các loài thiên địch có khả năng hạn chế sự gây hại

của ấu trùng ve sầu như kiến, ong, nhện... bằng cách sử dụng các loại thuốc có tính xua đuổi kiến vào thời kỳ thu hoạch, không nên sử dụng các loại thuốc có độ độc cao để tiêu diệt kiến. Sử dụng thuốc nấm *Metarhizium anisopliae*, *Metament 90 DP* với liều lượng 10 gr thuốc + 5-10 lít nước/gốc tùy theo tuổi cây cà phê, sử dụng bẫy đèn để tiêu diệt.

**Làm tăng khả năng phát triển của cây, kích thích và phục hồi bộ rễ:** Sử dụng chất kích thích ra rễ RIC 10 WP tưới xuống gốc: 20-30 kg/ha, 3.000-5.000 lít nước/ha.

**Sử dụng biện pháp hóa học:** Khi mật độ ấu trùng > 40 con/gốc.

+ Sử dụng các loại thuốc ít độc: Dầu khoáng SK Enspray 99 EC: 40 ml/gốc, Vimatrine 0,6 SL: 25 ml/gốc.

+ Sử dụng các loại thuốc với liều lượng như sau khi mật độ cao > 80 con/gốc:

Vibasu 10H: 10-20 gr/gốc; Karphos 2D: 20-40 gr/gốc; Sago super 3G: 20-30 gr/gốc; Basudin 10H: 20-30 gr/gốc; Vibam 5H: 30-40 gr/gốc; Visa 5H: 30-40 gr/gốc; Visumit 50 ND nồng độ 0,2%; Supracide 40 EC nồng độ 0,2 %. Lượng thuốc nước tưới xuống gốc từ 5-10 lít nước/gốc tùy thuộc vào tuổi cây cà phê.

**Tăng cường kiểm tra để phòng trừ các tác nhân hại rễ khác:**

+ Các loại nấm trong đất: Sử dụng thuốc Bavistine 50 FL nồng độ 0,2% (tưới trực tiếp vào gốc với 5 lít/gốc), Validacin 3L nồng độ 0,5% tưới gốc (40 ml/8lít), 3.000-5.000 lít nước/ha hoặc Score 250 EC (1lít/ha), Vivil 5 SC (1,5lít/ha).

+ Tuyến trùng: Sử dụng nấm đối kháng *Paecilomyces* (*Palila 500 WP*) liều lượng theo khuyến cáo, hoạt chất Cytokinin (*Sincosin + Agrispon*) 0,2%; Etobon 0,56 SL, tưới gốc nồng độ: 0,125 ml/lít nước; 3.000-5.000 lít nước/ha, Vimoca 10G rải quanh gốc (30g/gốc tưới đẫm nước).

Ngoài ra, cần kiểm tra tình hình sâu bệnh thường xuyên để phòng trừ kịp thời đối với các loại bệnh khô cành khô trái, rỉ sắt, nấm hồng... bằng các biện pháp tổng hợp theo qui trình phòng trừ tổng hợp đã hướng dẫn. ■

## Bảo vệ môi trường trong phát triển và hội nhập:

### NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN QUAN TÂM TẠI LÂM ĐỒNG

**LƯƠNG VĂN NGỰ**

*Sở Tài nguyên Môi trường Lâm Đồng*

Những năm qua, tỉnh Lâm Đồng đã đạt được một số thành tựu nhất định trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Thông qua các chương trình đầu tư phát triển xã hội đã tạo được những chuyển biến tích cực trong quá trình phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân. Vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường (BVMT) được xem là một trong những quan điểm xuyên suốt trong quá trình phát triển của tỉnh. Hoạt động quản lý môi trường, giáo dục ý thức, trách nhiệm BVMT cho các tổ chức, cá nhân ngày càng được mở rộng và nâng cao về chất lượng, góp phần tăng cường quản lý, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Đồng thời, thực hiện được công tác phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, suy thoái môi trường, phục hồi và cải thiện môi trường sinh thái ở một số vùng trong tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được triển khai khá toàn diện với nhiều hoạt động phong phú thời gian qua. Trong đó, chú trọng tới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức các vấn đề môi trường trong cộng đồng; giải quyết các khiếu nại, tranh chấp về môi trường tại một số điểm nóng gây ô nhiễm; hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh kê khai các hoạt động ảnh hưởng đến môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động và cam kết bảo vệ môi trường...

Tuy nhiên, vấn đề quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh hiện nay vẫn còn gặp không ít những khó khăn, thách thức. Đó là: nhận thức, ý thức trách nhiệm BVMT của bộ phận không

nhỏ trong cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ... chưa cao; nguồn lực đầu tư cho công tác BVMT còn hạn chế. Thực tế những năm qua cho thấy, các nhà đầu tư chỉ mới chú trọng đến hiệu quả kinh tế, ít quan tâm đến đầu tư các hạng mục công trình xử lý ô nhiễm BVMT, chậm triển khai những biện pháp xử lý ô nhiễm. Hơn nữa, với tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng, nhiều công trình kết cấu hạ tầng có quy mô lớn và các dự án khai thác, chế biến khoáng sản đang được triển khai trên diện rộng sẽ có những tác động tiêu cực đến các yếu tố môi trường, nhất là do yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo hướng đột phá, tăng tốc của một số ngành, địa phương trong tỉnh thời gian tới. Ngoài ra, vấn đề quản lý chất thải rắn, nước thải trên địa bàn tỉnh đang cần tập trung giải quyết. Theo thống kê, hàng ngày, hơn 800 tấn rác chủ yếu từ các khu vực thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc và các thị trấn thải trực tiếp vào môi trường nhưng chưa được chôn lấp hợp vệ sinh. Thêm vào đó, việc triển khai các dự án lớn sẽ gây không ít khó khăn, thách thức trong công tác BVMT như dự án xây dựng khu du lịch - nghỉ dưỡng (Đà Lạt, Lạc Dương...); xây dựng, cải tạo hệ thống đường giao thông nông thôn liên tỉnh, liên huyện; một số công trình thủy điện lớn, nhỏ (Đại Ninh, ĐaSiát, Đa Khai, Đồng Nai 2, 3, 4...); các hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản (bauxít, vàng, kaolin, diatomit...), vật liệu xây dựng (cát, đá, gạch ngói...). Sự phát triển kinh tế nhanh đã có những tác động đến môi trường rừng và hệ sinh thái, đất, nước, không khí, kể cả môi trường xã hội (thu hẹp đất, sản xuất, đùn bù, giải tỏa, di dân, tái định

cur, chuyển đổi cơ cấu kinh tế xã hội...). Tổng lượng nước và chất lượng nước đang có chiều hướng suy giảm mạnh. Ô nhiễm không khí và nguồn nước từ nguồn chất thải rắn, lỏng, khí đang có chiều hướng gia tăng gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái một số vùng trong tỉnh.

Đó là những thách thức lớn đối với nhiệm vụ BVMT của địa phương trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Với những nguy cơ, thách thức trên đòi hỏi phải có những nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ BVMT từ cấp tỉnh đến huyện, xã và trong toàn thể nhân dân. Từ đó có những hoạch định, chính sách và sự phối kết hợp trong hoạt động BVMT ngày càng hiệu lực và hiệu quả. Để BVMT và phát triển bền vững trong giai đoạn hội nhập kinh tế thế giới, những vấn đề cần quan tâm trên địa bàn tỉnh là:

### 1. Giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức BVMT

Phát động phong trào toàn dân BVMT. Phát huy tối đa hiệu quả của các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức BVMT trong nhân dân. Lồng ghép các kiến thức môi trường một cách khoa học, hợp lý vào chương trình giáo dục nhằm nâng cao ý thức tự giác BVMT của học sinh, sinh viên. Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm chuyên đề về quản lý, BVMT, doanh nghiệp thân thiện với môi trường...

### 2. Kiểm soát và bảo vệ chất lượng các nguồn nước, tài nguyên đất

Rà soát, bổ sung và điều chỉnh quy hoạch kinh tế xã hội của tỉnh theo hướng lồng ghép với quy hoạch sử dụng đất, bảo vệ nguồn nước đảm bảo phát triển bền vững. Tăng cường công tác kiểm soát, khống chế ô nhiễm đối với nguồn nước, đất do chất thải công nghiệp và sinh hoạt.

Hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước về môi trường. Thiết lập và thực hiện các qui định, chính sách, tiêu chuẩn về quản lý môi trường đối với nguồn nước trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu quả công tác quan trắc, giám sát môi trường.

Đảm bảo việc cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường thông qua việc nâng cấp, xây

mới, hiện đại hóa hệ thống cấp nước; cải tạo hệ thống thoát nước nhằm khắc phục tình trạng ngập úng trong khu đô thị; bảo đảm việc thu gom, xử lý nước thải đạt các tiêu chuẩn môi trường trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Xử lý ô nhiễm môi trường trên lưu vực các sông (Sài Gòn - Đồng Nai và Krông Nô - Sêrêpok), hồ, thác nước (Cam Ly, Đatanla...), đặc biệt là nguồn nước mặt từ các hồ cấp nước sinh hoạt phục vụ cho khu dân cư tập trung như Đankia - Suối Vàng, Tuyên Lâm, Chiến Thắng (Đà Lạt), Nam Phương (Bảo Lộc)... Đồng thời, phối hợp với các tỉnh trong khu vực Đông Nam Bộ hình thành và đưa vào hoạt động tổ chức chuyên trách về BVMT nguồn nước lưu vực sông Đồng Nai.

### 3. Giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường do hoạt động công nghiệp

Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm nhằm hạn chế các sự cố suy thoái môi trường trong tương lai. Yêu cầu bắt buộc các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các khu, cụm công nghiệp phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết BVMT theo quy định của pháp luật. Tăng cường năng lực thanh tra và giám sát việc tuân thủ luật BVMT. Phân loại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng để có biện pháp xử lý kịp thời. Tổ chức thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp...

Triển khai xây dựng các khu, cụm công nghiệp như khu công nghiệp Lộc Sơn (Bảo Lộc), khu công nghiệp Phú Hội (Đức Trọng) để từng bước di dời những cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư tập trung. Đối với các khu, cụm công nghiệp mới cần quy hoạch, thiết kế và xây dựng cơ sở hạ tầng tiêu thoát, xử lý nước thải, chất thải...; khuyến khích chủ đầu tư áp dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường.

Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp tập trung, khu dân cư, nhà máy sản xuất, chế biến trà, cà phê; tình trạng ô nhiễm nguồn nước tại các cơ sở sản xuất (bột giấy, dầu thực vật, phân bón vi sinh...), các làng nghề (đan lát, thủ công mỹ nghệ, tăm tre...); tăng tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải, rác thải, nhất là các chất thải y tế.



*4. Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại tại các đô thị, cơ sở sản xuất công nghiệp*

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt hợp vệ sinh theo qui hoạch. Có biện pháp khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia việc xử lý chất thải rắn. Xây dựng hệ thống quản lý chất thải y tế tại các bệnh viện, trung tâm y tế theo đúng quy chế quản lý chất thải y tế.

Kiến toàn cơ cấu tổ chức của các công ty quản lý công trình đô thị; thành lập các đơn vị dịch vụ vệ sinh. Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các huyện.

Tiến hành điều tra, thống kê danh mục các tác nhân hóa học trong chiến tranh còn tồn lưu ở Lâm Đồng, các loại hóa chất nguy hại, thuốc bảo vệ thực vật quá hạn hoặc cấm sử dụng để có biện pháp tiêu hủy, kiểm soát thích hợp.

*5. Kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học*

Đánh giá, lập quy hoạch vùng khai thác khoáng sản có trên địa bàn tỉnh, đưa các hoạt động này vào nề nếp nhằm tăng hiệu quả kinh tế và BVMT. Nghiên cứu các giải pháp phục hồi môi trường ở các khu vực khai thác khoáng sản; khuyến khích đổi mới công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản theo hướng sản xuất sạch.

Tăng cường các biện pháp đẩy nhanh tốc độ che phủ và nâng cao chất lượng rừng. Khai thác rừng hợp lý nhằm đảm bảo sự phát triển tốt của hệ sinh thái; giải quyết vấn đề định canh, định cư và di dân tự do để hạn chế nạn phá rừng, cháy rừng.

Đảm bảo cho sự phát triển bền vững đối với các tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học. Đánh giá lại những tài nguyên hiện có, tìm ra các giải pháp khắc phục suy thoái, tiến tới phát triển bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học. Đồng thời, Lâm Đồng cần có sự phối kết hợp chặt chẽ với các tỉnh lân cận trong nhiệm vụ bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng

sinh học. Ngoài ra, cần chú trọng xây dựng chương trình giáo dục cho cộng đồng dân cư sống ở các vùng đệm ý thức bảo tồn đa dạng sinh học, triển khai các mô hình kinh tế sinh thái nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân.

Tiến hành xây dựng ngân hàng gen cho khu vực Tây Nguyên.

*6. Kiểm soát và quản lý việc sử dụng thuốc BVTV, phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp*

Tăng cường công tác kiểm soát việc mua bán, lưu trữ, phân phối và sử dụng thuốc BVTV, phân bón hóa học, đặc biệt là các loại thuốc trừ sâu đã bị cấm hoặc hạn chế sử dụng. Nghiêm cấm sử dụng các loại thuốc ngoài danh mục được phép sử dụng, các loại thuốc nằm trong danh mục cấm sử dụng.

Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, canh tác hữu cơ. Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kiểm soát và phòng sâu bệnh bằng biện pháp sinh học để thay thế một phần các loại thuốc trừ sâu bệnh đang sử dụng hiện nay. Áp dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) trên các loại cây trồng, đặc biệt là rau để xây dựng quy trình sản xuất rau sạch và các loại nông sản chất lượng cao.

*7. Thực hiện các dự án, chương trình hợp tác quốc tế về BVMT ở địa phương*

Thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế để bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Cát Tiên, Bidoup - Núi Bà và các khu vực rừng phòng hộ xung yếu.

Tăng cường hợp tác với các nước công nghiệp phát triển để ứng dụng công nghệ sạch và thân thiện với môi trường trong xử lý chất thải sinh hoạt.

Tiếp tục kêu gọi, tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế triển khai thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu xác định sự tồn tại, phát triển các loài động, thực vật quý hiếm. Ngoài ra, cần quan tâm tạo điều kiện thuận lợi, từng bước ổn định và nâng cao cuộc sống nhân dân trong vùng bảo tồn, đặc biệt đối với đồng bào các dân tộc bản địa để đảm bảo mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học, các loài động, thực vật quý hiếm. ■

## XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI LÂM ĐỒNG

THS. LÊ QUANG NGHIỆP

Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi thuộc miền Đông Nam Bộ với tổng diện tích tự nhiên 977.219 ha. Trong đó, diện tích rừng chiếm 601.000 ha với độ che phủ rừng là 61,5 %. Đây là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô giá so với nhiều địa phương khác trong cả nước. Đặc điểm nổi bật của địa hình Lâm Đồng là sự phân bậc khá rõ ràng từ Bắc xuống Nam với các dạng địa hình thung lũng (dưới 500 m), đồi núi thấp đến trung bình (800-1.000 m), địa hình núi cao (trên 1.000 m), có những đỉnh trên 2.000 m như ngọn Langbiang (2.153 m). Những đặc điểm này đã tạo nên những biên độ của các yếu tố tự nhiên khác như khí hậu, thảm thực vật, thổ nhưỡng... tạo nên sự đa dạng hệ sinh thái, đa dạng loài, nhiều động, thực vật quý hiếm.

Cùng với cả nước, Lâm Đồng đang tăng tốc

hội nhập và phát triển để thành một tỉnh công, nông nghiệp phát triển vào năm 2020. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra cho Lâm Đồng là làm thế nào vừa phát triển vừa bảo tồn được những giá trị đa dạng, phong phú mà thiên nhiên đã ưu đãi ban tặng. Việc duy trì bảo vệ sự ĐDSH này không chỉ có ý nghĩa đối với sự bảo tồn các nguồn gen động, thực vật quý mà còn có vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững kinh tế xã hội của địa phương mang tính đặc thù như du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học...

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo tồn ĐDSH với quan điểm *Bảo tồn để phát triển - Phát triển để bảo tồn*, UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương xây dựng chiến lược bảo tồn ĐDSH của tỉnh Lâm Đồng. Chiến lược được xây dựng dưới sự chỉ đạo của Sở NN & PTNT phối hợp cùng các sở ban ngành liên quan, các nhà khoa học trong, ngoài tỉnh và sự hỗ trợ tài chính của tổ chức Winrock International.

Việc xây dựng chiến lược này đảm bảo tầm nhìn đến năm 2020 là: bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững ĐDSH về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn tỉnh; quản lý an toàn sinh học có hiệu quả để bảo vệ sức khỏe nhân dân, môi trường và ĐDSH; đóng góp vào công tác bảo tồn và phát triển ĐDSH trong khu vực và toàn cầu; thực hiện đúng quy định pháp luật về ĐDSH trên cơ sở tôn trọng các kế hoạch phát triển khác mà vẫn bảo tồn được ĐDSH, hệ thống tự nhiên và các nền văn hóa bản địa.

Hệ sinh thái rừng Lâm Đồng đa dạng về thảm thực vật, với các dạng chính sau:

+ Rừng kín lá rộng thường xanh ẩm nhiệt đới, phổ biến ở độ cao 1.000 m: Trầu (*Syzygium*), Chứ sồi (*Schima surperba* Gardn et champ)...

+ Rừng cây thưa lá kim hơi khô á nhiệt đới đồi núi thấp: Thông 2 lá (*Pinus merkusii*), Thông 3 lá (*Pinus khasya*), Dầu trà beng (*Dipterocarpus obtusifolius*), Cà chít (*Shorea obtusa*).

+ Rừng kín hỗn hợp cây lá rộng và lá kim ẩm nhiệt đới núi thấp là rừng hỗn giao cây thông và các loại cây họ Dẻ, họ Re ở độ cao trên 1.000 m.

+ Rừng hỗn giao gỗ, tre và rừng tre nứa.

Theo đó, mục tiêu cơ bản của chiến lược bảo tồn ĐDSH tỉnh Lâm Đồng đến năm 2015 là:

- Bảo vệ các hệ sinh thái, duy trì vốn rừng và các giá trị ĐDSH hiện có; bảo vệ, phát triển rừng đặc dụng;

- Bảo vệ hiệu quả các loài động, thực vật quý hiếm, nguy cấp có nguy cơ bị tuyệt chủng;

- Bảo tồn và phát triển ĐDSH các vùng đất ngập nước;

- Bảo tồn có hiệu quả các giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật nông nghiệp bản địa, quý hiếm, có giá trị kinh tế xã hội cao;

- Xây dựng và phát triển mô hình sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật; kiểm soát, phòng ngừa, ngăn chặn và loại trừ việc khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các động, thực vật hoang dã quý, hiếm, nguy cấp; kiểm soát,

ngăn chặn các loài sinh vật lạ xâm lấn;

- Đẩy mạnh trồng rừng và nâng cao chất lượng rừng trồng, kết hợp với khoanh nuôi và bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng có hiệu quả, đẩy mạnh trồng cây phân tán trong nhân dân, đảm bảo duy trì và phát triển tỷ lệ che phủ rừng trên cơ sở quy hoạch 3 loại rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất;

- Kiện toàn và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về ĐDSH; xây dựng các chính sách khuyến khích người dân địa phương tham gia bảo tồn và phát triển bền vững ĐDSH; tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, đào tạo đội ngũ chuyên môn về bảo tồn ĐDSH;

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao sự nhận thức và hiểu biết của cộng đồng dân cư về tầm quan trọng, giá trị của nguồn tài nguyên, bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững ĐDSH gắn liền với sự phát triển

#### Đa dạng loài của Lâm Đồng

+ **Đa dạng khu hệ thực vật:** Khu hệ thực vật rất phong phú, đa dạng với các ngành rêu, nấm, dương xỉ; gỗ lớn, gỗ vừa, gỗ nhỏ như họ Dẻ (*Fagaceae*), họ Côm (*Elaeocarpaceae*), họ Dầu (*Dipterocarpaceae*). Có 1.685 loài thực vật rừng, trong đó 19 loài bị đe dọa cấp quốc gia, 35 loài bị đe dọa toàn cầu và 28 loài được bảo vệ. Nhiều loài thực vật quý hiếm như Pomu xanh (*Calocedrus macrolepis*), Pomu (*Fokenia hodginsii*), thông Đà Lạt (*Pinus dalatensis*), thông 2 lá dẹt (*Pinus krempfii*)...

+ **Đa dạng khu hệ thú:** hiện có 81 loài thú thuộc 21 họ trong 8 bộ đã được xác định; trong đó có 27 loài bị đe dọa cấp quốc gia; 25 loài bị đe dọa toàn cầu và 31 loài được bảo vệ. Trong các loài thú bị đe dọa diệt vong, có một số loài cần bảo tồn đặc biệt như Tê giác một sừng VN, Voi châu Á, Bò tót, Khỉ mặt đỏ, Khỉ đuôi dài, Nhím đuôi ngắn, Beo lửa, Cheo cheo, Mèo rừng, Cầy giông...

+ **Đa dạng khu hệ chim:** có 296 loài chim thuộc 49 họ trong 17 bộ, 7 loài bị đe dọa cấp quốc gia, 14 loài bị đe dọa toàn cầu và 16 loài được bảo vệ. Các loài chim đặc hữu quý hiếm: Gà so cổ hung, Mi Lang Bian, Khướu đầu đen má xám... Riêng Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà có 5 vùng chim quan trọng trong tổng số 62 vùng chim của cả nước.

+ **Đa dạng khu hệ bò sát, lưỡng cư:** đã thống kê được 101 loài bò sát, lưỡng cư thuộc 20 họ trong 3 bộ; 13 loài bị đe dọa cấp quốc gia, 16 loài bị đe dọa toàn cầu và 7 loài được bảo vệ. Những loài bị đe dọa: Tắc kè, Rồng đất, Kỳ đà hoa, Trăn đất, Rắn sọc dưa, Rắn ráo thường, Rắn cạp nia nam, Rắn cạp nong, Rắn hổ mang...

+ **Đa dạng côn trùng:** có 406 loài thuộc 15 bộ, 106 họ tại Vườn quốc gia Cát Tiên. Riêng loài bướm, thống kê được trên toàn lĩnh có 368 loài. Những loài quý hiếm như Bướm phụng, Bướm đóm...

+ **Đa dạng khu hệ cá:** đã xác định được 100 loài thuộc 8 bộ, 18 họ thuộc Vườn quốc gia Cát Tiên, chiếm 56,2% so với thành phần loài của khu hệ cá sông Đồng Nai. Đáng chú ý là ở đây có khả năng con tồn tại hai loài cá quý hiếm ghi trong Sách đỏ là cá Mơn (*Scleropages formosus*) và cá Nàng hai (*Chitala ornata*) thuộc bộ cá Thát lát.



kinh tế, xã hội của địa phương.

Việc xây dựng chiến lược bảo tồn ĐDSH này dựa trên các nguyên tắc:

- Các loài động, thực vật quý hiếm, các loài đặc hữu (theo cấp đánh giá của IUCN, Sách đỏ Việt Nam, Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm) phải được bảo vệ nghiêm ngặt.

- Ưu tiên bảo tồn đối với các vùng có nguy cơ bị đe dọa cao, các vườn quốc gia, các vùng đất có hệ sinh thái đặc thù, ĐDSH cao, có chức năng duy trì nguồn nước và cân bằng sinh thái. Việc quy hoạch vùng đệm của các vườn quốc gia cần xác định rõ ranh giới, quy mô, các hoạt động đầu tư để giảm áp lực tác động làm ảnh hưởng ĐDSH.

- Bảo tồn ĐDSH là một dạng đầu tư mang lại lợi ích cho địa phương, quốc gia và toàn cầu. Do vậy, chi phí và lợi ích của bảo tồn ĐDSH phải được chia đều cho mọi người.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các ngành, cấp trong quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động bảo tồn thiên nhiên. Phải thu hút sự tham gia của các cộng đồng dân cư, nâng cao nhận thức về giá trị kinh tế, môi trường và khoa học của bảo tồn thiên nhiên.

- Nội dung hoạt động quản lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phù hợp với nguồn lực kinh tế - xã hội, trình độ và tập quán của nhân dân, góp phần xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư địa phương.

- Thường xuyên cập nhật, tham khảo kết quả nghiên cứu và thông tin mới của các tổ chức quốc tế để nâng cao hiệu quả quản lý kết hợp với điều tra và giám sát ĐDSH. Đây là công việc khó khăn, tuy nhiên sẽ cung cấp những thông tin cơ bản về khu hệ động, thực vật, đặc điểm về phân bố, số lượng của các quần thể. Những thông tin này là tiền đề cho các hoạt động tiếp theo (quy

hoạch khu bảo tồn, nghiên cứu sinh học, sinh thái...).

- Nhà nước cần quan tâm, hỗ trợ có hiệu quả cho công tác quản lý bảo tồn ĐDSH thông qua ưu tiên cấp vốn đầu tư hàng năm từ ngân sách và các hỗ trợ khác.

Nhận diện các mối đe dọa với ĐDSH là việc đầu tiên và cần thiết nhất. Các mối đe dọa được chỉ ra với ĐDSH của Lâm Đồng đó là:

### Mối đe dọa trực tiếp

*Tình trạng khai thác, săn bắt trái phép:* khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ trái phép là một mối đe dọa lớn, làm chất lượng và sản lượng rừng ngày càng giảm, không còn khả năng hỗ trợ tạo sinh cảnh cho sự phong phú của các loài như ban đầu; tiếng ồn động cơ gây ảnh hưởng đến đời sống của loài động vật hoang dã; nhiều loài động vật rừng bị săn bắt, khai thác, buôn bán trái phép, làm thuốc như gấu, rắn... Các tác động tiêu cực đó

### **Đa dạng nguồn gen trong nông nghiệp**

Ngoài các loài cây trồng bản địa, nhiều loài cây trồng và vật nuôi mang bản chất ôn đới du nhập vào Lâm Đồng và phát triển tốt, góp phần đa dạng phong phú về cá thể loài.

Theo thống kê sơ bộ, cây trồng nông nghiệp có trên 150 loài với khoảng trên 550 giống.

- Cây trồng nông nghiệp thuộc 2 nhóm chính:

- + Giống cây trồng bản địa: chiếm chủ đạo, là những giống đã được người nông dân chọn lựa lưu truyền qua nhiều thế hệ, như lúa rẫy, các loại bắp của đồng bào dân tộc vẫn còn tồn tại ở một số vùng

- + Giống cây trồng mới: là những giống được các nhà khoa học lai tạo, chọn lọc hoặc nhập nội. Chúng có ưu điểm là năng suất cao, chu kỳ thu hoạch ngắn, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, thích nghi với nhiều vùng địa lý khác nhau, như các loài hoa, rau, cây ăn quả...

- Về vật nuôi: hiện nay một số giống bản địa như lợn, gà địa phương có phẩm chất được thị trường ưa chuộng. Giống lai tạo hoặc nhập nội như lợn siêu nạc, vịt siêu thịt cũng được phát triển rộng rãi.

gây ảnh hưởng đến sự ĐDSH của vùng, bao gồm cả việc đe dọa tuyệt chủng một số loài động vật hoang dã.

*Xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác khoáng sản:* việc xây dựng, nâng cấp mạng lưới giao thông (đường cao tốc Dầu Giây – Liên Khương; tỉnh lộ 723, 725...); xây dựng các đập thủy điện (Đa Nhim, Đa Mi, Đồng Nai...) đã có tác động rất lớn đến bảo tồn ĐDSH. Diện tích đất rừng, đất ở, đất sản xuất ngày càng giảm do mở đường, ngăn đập tích nước, di dân... Sự di dân vào vùng rừng làm tăng việc phá rừng và săn bắt thú. Sinh cảnh thay đổi, giảm dần ĐDSH; động vật mất nơi cư trú, môi trường sống, nguồn thức ăn và chuỗi dinh dưỡng bị xáo trộn và bị chia cắt mạnh mẽ với vùng trọng tâm do những chương ngại vật cản trở sự di chuyển của động vật hoang dã.

*Cháy rừng:* các vụ cháy rừng hàng năm không những gây mất rừng mà còn làm ảnh hưởng môi trường sống của các loài động vật, gây tổn thất không nhỏ cho ĐDSH, gây mất cân bằng sinh thái.

*Du canh du cư và xâm lấn rừng:* từ nhiều đời nay, một số dân tộc thiểu số thực hiện du canh luân phiên ổn định theo chu kỳ. Sau khi canh tác trên nương rẫy trong vài năm, họ cho đất nghỉ để rừng phục hồi rồi mới trở lại đốt nương canh tác tiếp. Hệ thống canh tác này chỉ mở một tỉ lệ rừng rất nhỏ và có tác dụng làm giàu loài thông qua việc cho phép những loài mới đến cư trú. Hệ thống canh tác này không còn ổn định, chu kỳ sử dụng đất rút ngắn dần.

#### Môi đe dọa gián tiếp

*Gia tăng dân số và đói nghèo:* trong những năm qua, tỉnh đã có những cố gắng trong việc giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, song dân số tăng cơ học ngày càng cao, chủ yếu là di dân

tự do. Lực lượng này là một thách thức đối với việc bảo vệ ĐDSH. Việc gia tăng dân số kéo theo nhu cầu tăng diện tích đất ở và đất sản xuất dẫn đến một sự bùng nổ về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, gây tác động lớn đến các hệ sinh thái.

*Trình độ nhận thức, năng lực quản lý và thi hành pháp luật hạn chế:* trình độ học vấn cũng như hiểu biết, nhận thức giữ gìn tài nguyên không cao; hoạt động hái lượm và săn bắt đã có từ lâu đời, do đó việc khai thác tài nguyên vẫn thường xuyên xảy ra.

*Sử dụng hóa chất và ô nhiễm nước:* các chất thải công nghiệp, chất thải dân dụng, nước thải từ các vùng nông nghiệp chứa dư lượng hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật đã làm ô nhiễm nguồn nước, tác động đến đời sống của động, thực vật và làm ô nhiễm môi trường sống của con người.

*Sản xuất và hoạt động dịch vụ:* sản xuất giống năng suất mang hiệu quả kinh tế cao, đồng thời đã làm nhiều loài mất dần sự thích nghi, tính chất loài bản địa thay đổi. Việc nhập khẩu nhiều giống mới làm cho các loài bản địa bị các loài ngoại lai có biên độ phát triển mạnh chiếm hết không gian dinh dưỡng. Nguồn gen quý giá cũng bị mất dần do sự thay thế của các giống mới được du nhập (Ví dụ sự xâm lấn của cây Mai dương (*Mimosa pigra*) và Ốc bươu vàng).

Trên cơ sở nhận diện các mối đe dọa và xác định được các mục tiêu, nguyên tắc việc xây dựng chiến lược bảo tồn sự ĐDSH với sự chủ trì của Sở NN & PTNT, sự phối hợp của các sở ban ngành liên quan, các nhà khoa học và sự hỗ trợ tài chính của tổ chức Winrock International, hy vọng trong thời gian tới, chiến lược bảo tồn ĐDSH được phê duyệt sẽ một chiến lược thích hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh, đảm bảo cho sự phát triển lâu dài, bền vững. ■

## ÁP DỤNG EUREPGAP TRONG SẢN XUẤT CHÈ

**PHẠM THỊ NHÂM**

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng*

**T**rong những năm gần đây, tiêu chuẩn EUREPGAP được nhắc đến nhiều trong các lĩnh vực sản xuất rau, quả, thủy sản, cà phê. Nhiều thương hiệu được gắn liền với tiêu chuẩn này như cà phê Trung Nguyên, thanh long Bình Thuận, bưởi Năm roi... , nhưng riêng đối với sản phẩm chè thì tiêu chuẩn này chưa được nhắc tới. Đây cũng là một khó khăn đối với các sản phẩm chè xuất khẩu của Việt Nam nói chung và của Lâm Đồng nói riêng khi mà sản phẩm chè của Việt Nam thường bị trả về với dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt quá mức cho phép, hoặc đơn giản là không vượt qua hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu.

### **Thực trạng sản xuất chè ở Lâm Đồng**

Lâm Đồng là tỉnh có diện tích trồng chè đứng thứ 2 cả nước, chiếm trên 20% diện tích trồng chè cả nước, trong đó diện tích trồng chè sạch chiếm khoảng 6% tổng diện tích, đạt 27% về sản lượng. Hiện nay, sản phẩm chè của Lâm Đồng đã xuất khẩu qua 21 thị trường, chủ yếu là Đài Loan, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, Mỹ, các nước Trung Đông và châu Âu. Tuy nhiên, hiệu quả của việc xuất khẩu sản phẩm này còn chưa cao do một số nguyên nhân sau:

- Chất lượng chè thường không ổn định. Tiêu chuẩn chất lượng còn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà nhập khẩu (doanh nghiệp không kiểm soát được chất lượng nguyên liệu đầu vào, 80% nguyên liệu mua trôi nổi trên thị trường, chỉ có khoảng 20% nguyên liệu tự trồng). Tiêu chuẩn sản xuất chè chủ yếu là tiêu chuẩn Việt Nam. Một số doanh nghiệp cũng đã sản xuất theo tiêu chuẩn của các nước xuất khẩu như

Đài Loan, Nhật Bản, song cũng chưa đáp ứng được đầy đủ.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật thường vượt quá giới hạn cho phép.

- Nhà xưởng, thiết bị và công nghệ chế biến vẫn còn lạc hậu (thiết bị thường không đồng bộ, nhà xưởng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, chỉ một số doanh nghiệp lớn và có sản phẩm xuất khẩu mới quan tâm đầu tư công nghệ mới và đồng bộ).

- Trình độ quản lý chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất và yêu cầu của thị trường (các doanh nghiệp chủ yếu vẫn sản xuất theo quy mô gia đình, cán bộ chuyên trách cho việc quản lý chất lượng rất hạn chế, nếu có thì chỉ là cán bộ kiêm nhiệm).

- Thương hiệu của các sản phẩm chè Lâm Đồng chưa được biết nhiều, chủ yếu các doanh nghiệp vẫn bán sản phẩm tại thị trường nước ngoài bằng thương hiệu của Ấn Độ, Đài Loan.

- Hầu hết đều không có phòng thử nghiệm về chất lượng sản phẩm, nếu có thì vẫn chỉ dừng lại ở việc kiểm tra cảm quan.

Với những khó khăn trên thì việc kiểm soát nguyên liệu đầu vào vẫn đang là một trong những tồn tại lớn nhất. Trong khi yêu cầu về chất lượng và chỉ tiêu an toàn của các nước nhập khẩu ngày càng chặt chẽ. Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU) và Nhật Bản đều sẽ đưa ra những quy định về tiêu chuẩn dư lượng thuốc trừ sâu trong sản phẩm chè vào 6 tháng cuối năm nay. Việc giám sát hàng hoá nhập khẩu ở EU bao gồm trên 200 sản phẩm, bắt đầu



từ 1/9/2008, tăng so với chỉ 100 sản phẩm hiện nay. Ngoài ra, EU sẽ cấm bán 320 loại thuốc trừ sâu có các thành phần hóa chất trong khu vực đồng Euro, và chỉ cho phép nhập khẩu các sản phẩm chè có dư lượng endosulfan dưới 0,01 mg/kg so với 30 mg/kg trước đây. Nhật Bản sẽ đưa thêm 5 mặt hàng vào danh mục kiểm dịch phosphoric hữu cơ ngoài 10 mặt hàng hiện nay. Ngoài ra, Nhật Bản sẽ thực hiện luật an toàn thực phẩm từ tháng 5/2009, đặt ra những quy định về dư lượng hóa chất với 144 mặt hàng, so với 83 mặt hàng hiện nay.

### **EUREPGAP như là một giải pháp**

Nhiều doanh nghiệp đã tìm cho mình giải pháp là áp dụng những tiêu chuẩn sản xuất của các đối tác nước ngoài, tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu bằng cách tự trồng nguyên liệu và ký hợp đồng với người nông dân. Tuy nhiên, diện tích này chưa nhiều và chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, hiện có khoảng 6% tổng diện tích trồng chè sạch trong toàn tỉnh.

Việc áp dụng tiêu chuẩn EUREPGAP trong sản xuất cà phê, rau quả đã và đang được chú ý nhiều ở Việt Nam. EUREPGAP là tiêu chuẩn về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt của châu Âu, được ban hành lần đầu tiên vào năm 1997. Tiêu chuẩn này được xây dựng bởi nhóm các nhà bán lẻ thực phẩm châu Âu trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ các thực phẩm nông nghiệp. EUREPGAP dựa trên các nguyên tắc phân tích và phòng ngừa các mối nguy. Sử dụng các phương pháp trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM), quản lý mùa vụ tổng hợp (ICM) để đảm bảo sản phẩm cung cấp cho người tiêu dùng là an toàn.

EUREPGAP được xây dựng trên 14 tiêu chí, trong đó tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng chính như quản lý vùng đất trồng, nguồn nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch, các yếu tố về môi trường và những chính sách phúc lợi cho người lao động. Toàn thể các hoạt động trong quá trình canh tác chè đều được kiểm soát từ giống cây trồng đầu

vào, quá trình canh tác cho đến khi là sản phẩm chè búp cung cấp cho nhà máy chế biến. Tất cả các khâu này đều được ghi chép và lưu giữ hồ sơ. Như vậy, hoạt động này sẽ giúp người nông dân kiểm soát được các mối nguy, những yếu tố tác hại đối với chất lượng nguyên liệu chè để từ đó có các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát. Đặc biệt là đối với việc kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Quá trình sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật được xem xét ngay từ khi lựa chọn các sản phẩm sử dụng cho cây chè. Những hóa chất này phải nằm trong danh mục cho phép sử dụng của Việt Nam và các thị trường mà doanh nghiệp muốn xuất khẩu. Nguồn gốc các loại hóa chất đều được xác định thông qua các chứng từ mua hàng, cách sử dụng theo hướng dẫn về liều lượng và thời gian cách ly khi thu hái chè. Do đó, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật luôn đáp ứng được theo quy định của Nhà nước và thị trường.

Có được chứng chỉ về EUREPGAP sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao được khả năng cạnh tranh của mình, thâm nhập được vào các thị trường khó tính, vượt qua hàng rào kỹ thuật và quan trọng nhất là ổn định được chất lượng sản phẩm để giữ vững thương hiệu của mình.

Tuy nhiên, để đạt được chứng chỉ EUREPGAP thì thật không đơn giản. Khi áp dụng tiêu chuẩn này đòi hỏi các doanh nghiệp phải quy hoạch lại vùng canh tác chè của mình, kiểm tra các mẫu đất, nước và kiểm soát tất cả các hoạt động từ giống chè, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.... Các hoạt động này đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư đào tạo cho người lao động về các yêu cầu của tiêu chuẩn, dự toán kinh phí cho việc kiểm tra mẫu, kinh phí cho hoạt động áp dụng và chứng nhận tiêu chuẩn này.

Với quy mô các doanh nghiệp sản xuất chè của Lâm Đồng hiện nay thì việc áp dụng tiêu chuẩn này sẽ hạn chế. Tuy nhiên, vì sự sống còn của doanh nghiệp, vì thương hiệu chè B' Lao đã được xây dựng và vì thương hiệu chung của chè Lâm Đồng thì các doanh nghiệp sản xuất chè trong tỉnh đã đến lúc cần phải quan tâm và thực hiện áp dụng tiêu chuẩn EUREPGAP trong sản xuất, kinh doanh của đơn vị. ■

## DĂNG KÝ BẢO HỘ NHÃN HIỆU Ở NƯỚC NGOÀI

**ĐẶNG HỮU HUY**

*Phòng Thông tin và Sở hữu trí tuệ - Sở KH&CN Lâm Đồng*

**V**iệc đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu ở nước ngoài giúp doanh nghiệp xâm nhập, tạo lập, giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu, chống lại mọi hành vi vi phạm, cạnh tranh không lành mạnh hoặc chiếm đoạt của các đối thủ cạnh tranh cũng như của những kẻ trục lợi. Các doanh nghiệp có dự định hoạt động sản xuất kinh doanh ở thị trường nước ngoài nên tiến hành đăng ký để xác lập quyền ở quốc gia tương ứng nhằm tránh trường hợp bị đánh cắp tài sản trí tuệ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tùy từng trường hợp, các doanh nghiệp có thể lựa chọn cách đăng ký nhãn hiệu phù hợp, vừa tiết kiệm chi phí, vừa bảo đảm hiệu quả của việc bảo hộ, có 3 cách như sau:

### 1. Nộp đơn trực tiếp đến từng quốc gia

Cá nhân hoặc pháp nhân nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại Cơ quan sở hữu trí tuệ của nước mà mình có hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc dự kiến sản xuất kinh doanh. Việc nộp đơn và làm thủ tục đăng ký phải tuân theo quy định của từng quốc gia. Doanh nghiệp có thể sử dụng đại diện hoặc chi nhánh của mình tại các quốc gia; hoặc sử dụng công ty đại diện sở hữu công nghiệp Việt Nam, nước ngoài để nộp đơn cho mình.

Nhãn hiệu chỉ được bảo hộ trên phạm vi của quốc gia đó. Thời hạn bảo hộ cũng sẽ tùy thuộc vào quy định của từng quốc gia.

### 2. Nộp đơn theo hệ thống Madrid

Hệ thống Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu bao gồm Thỏa ước Madrid (1891) và Nghị định thư Madrid (1989). Số nước tham gia Thỏa ước là 56, Nghị định thư là 68 (trong đó các nước vừa tham gia Nghị định thư và Thỏa ước là 46). Hầu hết các nước có nền kinh tế lớn đều tham gia hệ thống này như: Mỹ,

Nhật Bản, Anh, Trung Quốc, Nga... Nước ta tham gia Thỏa ước năm 1949 và Nghị định thư năm 2006. Trong khu vực ASEAN, ngoại trừ Việt Nam và Singapore, các nước còn lại vẫn chưa gia nhập hệ thống này.

Việc đăng ký tại Việt Nam thông qua hệ thống Madrid. Nếu quốc gia nơi cần đăng ký là thành viên của Thỏa ước và/hoặc Nghị định thư thì đơn đăng ký làm theo mẫu thống nhất, bằng ngôn ngữ quy định, nộp cho Văn phòng quốc tế của WIPO thông qua Cục SHTT (mọi giao dịch đều thông qua Cục SHTT). Điều kiện cần là nhãn hiệu đó đã được bảo hộ tại Việt Nam đối với Thỏa ước hoặc đã nộp đơn hợp lệ tại Việt Nam đối với Nghị định thư. *(Xem bảng so sánh ở trang sau).*

Lệ phí là khác nhau tùy vào việc nộp đơn theo Thỏa ước hay Nghị định thư. Đơn đăng ký sẽ được Văn phòng quốc tế xét nghiệm về hình thức và chuyển đến các nước được chỉ định để xét nghiệm theo quy định của từng quốc gia chỉ định. Việc từ chối bảo hộ của một quốc gia không ảnh hưởng đến hiệu lực bảo hộ ở các nước còn lại. Sau thời gian 12 tháng (đối với đơn theo Thỏa ước) và 18 tháng (đối với đơn theo Nghị định thư) mà không có từ chối của quốc gia được chỉ định thì coi như nhãn hiệu đã được chấp nhận bảo hộ.

Và một điều cần lưu ý là có thể nộp đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia tại các nước được chỉ định để chuyển đổi đăng ký quốc tế thành đăng ký quốc gia. Nếu trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày đăng ký quốc tế theo Nghị định thư bị mất hiệu lực do đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng ở Việt Nam bị mất hiệu lực. Trong trường hợp đó, các đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia được giữ nguyên ngày nộp đơn, ngày ưu tiên (nếu có) của đơn đăng ký quốc tế.

So sánh một số yếu tố giữa Thỏa ước Madrid và Nghị định thư Madrid

| Các tiêu chí         | Thỏa ước Madrid   | Nghị định thư Madrid  |
|----------------------|---|---|
| Đối tượng            | - Đã được cấp văn bằng bảo hộ tại nước Việt Nam   | - Chỉ cần đã nộp đơn hợp lệ tại nước Việt Nam   |
| Cách thức nộp đơn    | - Nộp đơn cho Cục SHTT<br>- Hồ sơ làm theo quy định<br>- Làm bằng tiếng Pháp  | - Nộp đơn cho Cục SHTT<br>- Hồ sơ làm theo quy định<br>- Làm bằng tiếng Anh hoặc Pháp   |
| Nộp phí              | - Nộp phí cho Cục SHTT (nước sở tại)<br>- Nộp phí cho Văn phòng quốc tế<br>- Nộp phí cho các nước chỉ định (bằng nhau theo một mức chung)                       | - Nộp phí cho Cục SHTT<br>- Nộp phí cho Văn phòng quốc tế<br>- Nộp phí riêng cho từng quốc gia chỉ định (theo quy định của từng nước) |
| Thời gian xét nghiệm | - 12 tháng  | - 18 tháng  |
| Yêu cầu chung        | - Các doanh nghiệp nước ta khi chỉ định các thành viên thuộc Thỏa ước Madrid hoặc các nước tham gia cả Nghị định thư và Thỏa ước thì phải nộp đơn theo Thỏa ước |   |
| Ngày ưu tiên         | - Áp dụng theo công ước Paris   |   |
| Hiệu lực bảo hộ      | - Hiệu lực bảo hộ giống như nhãn hiệu được đăng ký trực tiếp tại từng quốc gia thành viên   |   |

Một lưu ý khác khi nước chỉ định là nước quy định sử dụng trước (như Mỹ, Singapore) có thể cần thêm một văn bản cam kết sử dụng nhãn trong một thời gian nhất định.

Khi các tổ chức, cá nhân quan tâm đến các thị trường nước ngoài là thành viên của Thỏa ước/Nghị định thư thì nên thực hiện việc đăng ký theo hình thức này vì việc đăng ký theo hệ thống Madrid khá đơn giản, tiện lợi và chi phí có thể rẻ hơn gấp 10 lần so với đăng ký trực tiếp ở từng nước.

### 3. Nộp đơn đăng ký nhãn hiệu vào cộng đồng châu Âu theo thể thức CTM (The Community Trade Mark)

Cộng đồng châu Âu hiện tại bao gồm 25 nước: Áo, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đan Mạch, Đức, Hà Lan, Pháp, Hy Lạp, Luxembua, Phần Lan, Ireland, Italia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Anh, Ba Lan, Hungary, Séc, Slovakia, Slovenia, Lithuania, Latvia, Estonia, Síp, Malta. Các nước này đã thiết lập một hệ thống đăng ký nhãn hiệu hàng hóa độc lập (đăng ký nhãn hiệu hàng hóa theo thể thức CTM) để tạo điều kiện cho các chủ sở hữu nhãn hiệu có thể đăng ký nhãn hiệu hàng hóa của mình vào Cộng đồng châu Âu một cách thuận lợi, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Khi một nhãn hiệu đăng ký theo thể thức CTM sẽ có hiệu lực trên tất cả các nước thành viên.

Đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu nộp cho Cơ quan đăng ký Nhãn hiệu Cộng đồng châu

Âu (OHIM) sẽ được xét nghiệm về mặt hình thức và nội dung. Nếu nhãn hiệu đáp ứng các điều kiện đặt ra (có khả năng phân biệt, có thể sử dụng như một nhãn hiệu hàng hóa, không bị phản đối bởi bên thứ ba) thì sẽ được bảo hộ. Đối với trường hợp đơn đăng ký CTM khi bị từ chối ở một trong các nước thành viên của Cộng đồng châu Âu có thể chuyển đổi thành đơn đăng ký quốc gia ở các nước khác.

Nhãn hiệu CTM có hiệu lực 10 năm kể từ ngày nộp đơn và có thể được gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần 10 năm. Một nhãn hiệu đăng ký theo thể thức CTM sẽ có hiệu lực ở tất cả các nước thành viên của Cộng đồng và việc duy trì hiệu lực của nhãn hiệu đăng ký theo thể thức CTM ở tất cả các nước thành viên của Cộng đồng châu Âu. Chủ sở hữu của nhãn hiệu chỉ cần sử dụng nhãn hiệu này ở một hoặc một vài nước thành viên mà không cần phải sử dụng ở tất cả các nước thành viên và khi gia hạn, chủ sở hữu chỉ phải nộp lệ phí gia hạn mà không phải nộp bằng chứng sử dụng nhãn hiệu.

Một điểm cần lưu ý khác đó là việc chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sử dụng một nhãn hiệu CTM chỉ được cho phép khi việc chuyển nhượng hay chuyển giao đó là trong phạm vi cả cộng đồng, chứ không chỉ đơn lẻ trong một nước thành viên nào. Việc chuyển nhượng hay chuyển giao li-xăng phải được lập bằng văn bản và đăng ký với OHIM thì mới có hiệu lực pháp luật. ■



## CÔNG NGHỆ CÀ PHÊ

### MÁY PHÂN LOẠI CÀ PHÊ HẠT THEO MÀU SẮC OPSOTEC 5.00B KIỂU 3 MODULE

**Mô tả quy trình:** Tiêu chuẩn Việt Nam

**Công suất:** 5 tấn/h

Cà phê được cấp theo hệ thống cấp liệu và đi qua điểm nhận dạng với vận tốc 4 m/s. Tại đây hệ thống nhận dạng sẽ thu nhận màu sắc của từng hạt cà phê. Sau đó các tín hiệu thu nhận được đưa về hệ thống xử lý. Đối với hạt cà phê phế phẩm khi đi qua điểm thổi, hệ thống sẽ đưa ra tín hiệu cho van thổi, thổi hạt rơi vào thùng chứa phế phẩm còn hạt thành phẩm thì rơi tự do vào thùng sản phẩm.

**Xuất xứ:** Đề tài nghiên cứu cấp Bộ

**Lĩnh vực áp dụng:** 6513 - Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

**Ưu điểm:** Giá thành rẻ hơn so với thiết bị ngoại nhập. Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng nhanh chóng, thuận tiện

**Mức độ phát triển:** Sản xuất thử nghiệm

**Phương thức chuyển giao:** Chia khóa trao tay

**Giá tham khảo:** Giá máy móc thiết bị: 450 triệu đồng

**Thời gian bảo hành:** 12 tháng

**Hình thức cung cấp:** Theo đơn đặt hàng; Đại lý độc quyền

**Đơn vị chào bán:** Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp

### MÁY PHÂN LOẠI CÀ PHÊ THEO MÀU SẮC OPSOTEC 5.01B

**Mô tả quy trình:** Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn nước ngoài

**Công suất:** 5 tấn/h

**Xuất xứ:** Đề tài nghiên cứu cấp nhà nước

**Lĩnh vực áp dụng:**

6513 - Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm;

5914 - Thiết kế và chế tạo khí cụ;

5557 - Chế tạo máy kéo và máy nông nghiệp

**Ưu điểm:** Giá thành hạ so với nhập khẩu. Dịch vụ bảo hành nhanh chóng, lâu dài

**Mức độ phát triển:** Sản xuất thử nghiệm

**Phương thức chuyển giao:** Chia khóa trao tay; Đào tạo

**Giá tham khảo:** Giá máy móc thiết bị: 30.000 USD

**Thời gian bảo hành:** Bảo hành 12 tháng, bảo trì 5 năm

**Hình thức cung cấp:** Bán trực tiếp theo hợp đồng

**Đơn vị chào bán:** Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp



## QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI CỦA DOANH NGHIỆP

**TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG**

*Trạm quan trắc và Giám sát môi trường tỉnh Lâm Đồng*

**N**gày nay có rất nhiều nguy cơ, thách thức đối với cuộc sống trên toàn cầu: hậu quả của sự phát triển không bền vững về kinh tế xã hội; tăng dân số; chiến tranh... Đó cũng là nguyên nhân làm cho môi trường ngày một suy thoái nghiêm trọng dẫn đến dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt...

Môi trường đã và đang là vấn đề hết sức nóng bỏng hiện nay. Nhà nước ta đã có nhiều chính sách, pháp luật trong vấn đề quản lý, bảo vệ môi trường. Tuy nhiên để hoạch định và tổ chức thực hiện cần có những đánh giá chính xác về các thành phần môi trường, mức độ ô nhiễm, suy thoái... Hoạt động quan trắc môi trường sẽ đảm bảo yêu cầu này.

### 1. Quan trắc môi trường là gì?

Quan trắc môi trường là sự đo đạc, phân tích, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường theo các thông số chọn lọc ở một không gian với tần suất nhất định trong thời gian dài.

Mục tiêu của quan trắc môi trường nhằm đánh giá chất lượng các thành phần môi trường, xem xét mức độ ô nhiễm, khả năng sử dụng các thành phần môi trường; đánh giá về chất lượng, số lượng các chất gây ô nhiễm; tác động của chúng đến sức khoẻ con người và môi trường xung quanh; thu thập số liệu phục vụ cho công tác quản lý.

Cụ thể hơn, quan trắc môi trường cần cung cấp các thông tin sau:

- Thành phần, nguồn gốc, nồng độ/hàm lượng/cường độ các tác nhân ô nhiễm trong môi trường.

- Khả năng ảnh hưởng của các tác nhân này trong môi trường.

- Dự báo xu hướng diễn biến về nồng độ và ảnh hưởng của các nhân tố này.

Về nguyên tắc, tất cả các thành phần môi trường (đất, nước, không khí, sinh vật) đều cần được quan trắc vì các thành phần môi trường này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống con người, sinh vật mà còn có khả năng chuyển tải các tác nhân ô nhiễm từ vùng này đến vùng khác, gây tác hại cho một không gian lớn, đặc biệt khi có sự cố ô nhiễm môi trường. Trên cơ sở các thông tin trên, cơ quan quản lý môi trường có biện pháp cảnh báo, quản lý môi trường, thi hành các biện pháp không chế, giảm thiểu tác động ô nhiễm và sử dụng hợp lý các thành phần môi trường.

### 2. Quan trắc môi trường trong quản lý chất thải

Chất thải nói chung bao gồm: chất thải rắn, chất thải lỏng và khí thải. Trong chất thải, người ta lại phân loại gồm chất thải nguy hại và chất thải không nguy hại; chất thải có thể tái chế, tái sử dụng để giảm chi phí sản xuất, giảm lượng chất thải; chất thải không thể tái chế, tái sử dụng cần được xử lý thải bỏ.

Đối với mỗi ngành nghề kinh doanh, sản xuất và dịch vụ có những thành phần chất thải đặc trưng, gây nguy hại đến môi trường và ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng.

Do vậy, trong quản lý chất thải, một việc làm không thể thiếu là quan trắc, đánh giá về số lượng, chất lượng, mức độ tác hại của

các thành phần chất thải dạng rắn, lỏng, khí nhằm đưa ra biện pháp giảm thiểu và quản lý hữu hiệu.

### 3. Quan trắc môi trường và vấn đề kiểm soát chất thải của doanh nghiệp

Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005 quy định về công tác quan trắc, giám sát môi trường và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Tại Quyết định số 328/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cũng nêu rõ việc quy định bắt buộc các cơ sở tự quan trắc môi trường, định kỳ báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Trong nội dung các bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư, chủ dự án đều xây dựng và cam kết thực hiện chương trình tự quan trắc, giám sát môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

Tuy nhiên, hiện nay tại tỉnh Lâm Đồng nói riêng và trên cả nước nói chung, quan trắc môi trường còn là vấn đề mới mẻ đối với nhận thức của cộng đồng. Hầu như chỉ có một số ít cán bộ hoạt động trong lĩnh vực môi trường mới hiểu quan trắc môi trường là gì và sự cần thiết phải quan trắc môi trường.

Tỉnh Lâm Đồng là tỉnh công nghiệp chưa phát triển như nhiều địa phương khác trong cả nước. Hướng phát triển kinh tế chủ yếu của Lâm Đồng là du lịch, sản xuất rau hoa, cây công nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay nhiều cơ sở sản xuất nhỏ thuộc các thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế hộ gia đình phát triển ngay trong khu dân cư, sử dụng cơ sở hạ tầng phục vụ sinh hoạt cho mục đích sản xuất. Một số ngành như sản xuất giấy, công nghiệp dệt nhuộm, sơn tơ, các lò mổ gia súc, chế biến cà phê công nghệ ướt, chế biến nông sản thực phẩm, rau, hoa, chế biến gỗ, khai thác và chế biến khoáng sản... gây ô nhiễm cho các khu dân cư tập trung, nhất là ô nhiễm về nước thải sản xuất.

Bên cạnh đó, việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như quy hoạch các khu dân cư và khu công nghiệp tiến hành riêng lẻ và không kịp thời. Chính vì vậy, các cơ sở sản xuất công nghiệp đã xây dựng trước đây không được đầu tư cho việc xử lý chất thải

nay lại nằm xen lẫn trong khu dân cư.

### *Đối với các cơ sở, doanh nghiệp*

Thực tế trong những năm qua, các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh phát triển khá nhanh nhưng chưa thực sự quan tâm đến bảo vệ môi trường. Với những yêu cầu ngày càng cao, chặt chẽ của pháp luật và công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng bảo vệ môi trường, trong vài năm gần đây, các doanh nghiệp đã bước đầu chú ý tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường trong quá trình hình thành và hoạt động của mình. Các doanh nghiệp này đã lập bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó có xây dựng chương trình quan trắc và cam kết thực hiện việc quan trắc môi trường theo yêu cầu của pháp luật. Tuy nhiên, phần lớn các cơ sở, doanh nghiệp trong quá trình hoạt động vẫn chưa thực hiện việc tự quan trắc về chất thải do hoạt động của mình gây ra như đã cam kết.

### *Đối với cơ quan quản lý nhà nước*

Quá trình kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý cho thấy hầu hết các cơ sở, doanh nghiệp đều vi phạm không tự quan trắc và báo cáo định kỳ về thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường cho cơ quan quản lý. Thực tế trên một phần là trách nhiệm của các cơ sở, doanh nghiệp nhưng cũng không thể không nói đến trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trong quá trình quản lý, cơ quan nhà nước thiếu kiểm tra, giám sát, nhắc nhở các doanh nghiệp tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường. Nguyên nhân là do chưa có sự phân cấp về quản lý môi trường, lực lượng làm công tác quản lý môi trường chỉ tập trung ở cấp tỉnh song còn quá ít, địa bàn quản lý rộng, điều kiện phương tiện đi lại còn thiếu. Mặt khác, trên địa bàn tỉnh trước đây cũng chưa có tổ chức đủ tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ cũng như trang thiết bị thực hiện việc quan trắc, giám sát môi trường theo nhu cầu của doanh nghiệp.

*(Xem tiếp trang 23)*



## TBT LÂM ĐỒNG SAU MỘT NĂM VIỆT NAM GIA NHẬP WTO

**HOÀNG CẨM TÚ**

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng*

**G**ia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Việt Nam đã cam kết tuân thủ tất cả các hiệp định của WTO, trong đó có Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT). Việc thực hiện cam kết đã được Việt Nam chuẩn bị ngay từ khi chưa là thành viên chính thức của WTO. Hiện nay, Việt Nam đã thành lập được mạng lưới TBT bao gồm các bộ, ngành và 64 điểm TBT của 64 tỉnh thành trong cả nước với đầu mối trung tâm là Văn phòng TBT Việt Nam.

Cùng với việc triển khai Hiệp định TBT của cả nước, Cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp TBT Lâm Đồng (TBT-LĐ) cũng có những chuẩn bị và thành lập theo sự hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Văn phòng TBT Việt Nam và UBND tỉnh Lâm Đồng. Sau một năm gia nhập WTO, đến nay TBT-LĐ đã triển khai hoạt động với những kết quả bước đầu như cập nhật được 1.189 tiêu chuẩn liên quan đến các sản phẩm trọng điểm của tỉnh (chè, cà phê, rau hoa quả, khoáng sản); 515 tiêu chuẩn TCVN bắt buộc áp dụng liên quan đến các sản phẩm khác; 255 tiêu chuẩn ngành (các tiêu chuẩn của các Bộ); 16 quy chuẩn kỹ thuật do địa phương ban hành; 7 quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, Nhật Bản, Mỹ, EU, Trung Quốc, New Zealand về các sản phẩm rau hoa, chè, dầu diesel và hóa chất; 25 văn bản quy phạm pháp luật; 18 văn bản quy phạm pháp luật về kỹ thuật và 478 tin cảnh báo.

TBT-LĐ đã tiến hành nhiều hoạt động thông tin tuyên truyền về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại và những vấn đề liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng như

báo, đài phát thanh - truyền hình. TBT-LĐ đã tổ chức 3 lớp tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ phụ trách TBT của các sở, ngành trong tỉnh; xây dựng thủ tục về hoạt động thông báo và hỏi đáp về TBT; phối hợp với Văn phòng TBT Việt Nam xây dựng trang web TBT Lâm Đồng và cập nhật các nội dung liên quan nhằm giúp cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp xuất khẩu nắm bắt thông tin kịp thời. TBT-LĐ đã phối hợp chặt chẽ với cán bộ phụ trách TBT của các sở, ngành trong tỉnh rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật của địa phương. Cán bộ đầu mối phụ trách TBT của TBT-LĐ không ngừng củng cố và nâng cao kiến thức về TBT, tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Trong thời gian vừa qua, TBT-LĐ đã trả lời được nhiều câu hỏi của các doanh nghiệp trong tỉnh liên quan đến việc áp dụng tiêu chuẩn trong xuất khẩu chè, cà phê và các lĩnh vực khác.

Hoạt động thông báo và hỏi đáp về TBT tại Lâm Đồng cơ bản đã thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế của địa phương. Tuy nhiên, sự phối hợp với các ngành chức năng chưa nhịp nhàng; việc tìm kiếm, xây dựng cơ sở dữ liệu còn gặp khó khăn. Nguồn nhân lực hoạt động chuyên trách trong lĩnh vực TBT còn thiếu nên ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hiệp định TBT. Để hoạt động này thực sự có hiệu quả, việc tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu về TBT cho cán bộ của TBT-LĐ và cán bộ phụ trách TBT của các sở, ngành có liên quan là quan trọng nhất. Bên cạnh đó, cần tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm phục vụ cho hoạt động thông báo và hỏi đáp về TBT; hướng

dẫn chi tiết việc thực hiện hoạt động hỏi đáp đối với các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp; bổ sung nhân sự cho TBT-LĐ; sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của UBND tỉnh và Văn phòng TBT Việt Nam.

Việt Nam vừa gia nhập WTO nên việc thực thi các cam kết mới chỉ là cơ bản bước đầu. Hoạt động thông báo và hỏi đáp về TBT ngày càng trở nên quan trọng. Đối với các doanh nghiệp ở Lâm Đồng (chủ yếu là loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ), xuất khẩu các sản phẩm chủ yếu là cà phê, chè, rau hoa quả và khoáng sản rất cần có sự hỗ trợ thông tin về sản phẩm, thị trường xuất khẩu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu và đòi hỏi của các thị trường nhập khẩu khi xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa...; cần trang bị những kiến thức về tiêu chuẩn chất lượng, về hội nhập kinh tế quốc tế và văn hóa doanh nghiệp nhằm đảm

bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, giảm giá thành để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới. Trong thời gian tới, TBT-LĐ sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền các nội dung liên quan về TBT, tổ chức các lớp tập huấn cho doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu để họ nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Hiệp định TBT vì chỉ có như vậy hàng hóa của doanh nghiệp mới có thể “hội nhập” được. Đồng thời cũng khẳng định vai trò của TBT-LĐ - một đầu mối thông tin quan trọng giúp cho các cơ quan, doanh nghiệp có những thông tin về TBT và các thông tin khác liên quan trong hoạch định chiến lược kinh doanh và kế hoạch chất lượng nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, khả năng cạnh tranh của sản phẩm. ■

## **QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI ...**

*(Tiếp theo trang 21)*

Để khắc phục những bất cập trên, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 đã có sự phân cấp mạnh nhằm tăng cường năng lực quản lý môi trường đến cấp huyện. Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng đã thành lập một đơn vị có tư cách pháp nhân thực hiện nhiệm vụ quan trắc, giám sát môi trường trên địa bàn với chức năng thực hiện các dịch vụ về môi trường theo nhu cầu của các doanh nghiệp. Điều này sẽ tạo điều kiện để các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt hơn trách nhiệm về kiểm soát chất thải. ■

## **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - NỀN TẢNG ĐỂ PHÁT TRIỂN ...**

*(Tiếp theo trang 4)*

thành phố Đà Lạt, các quy định về kiến trúc cho toàn thành phố để gìn giữ và phát triển một đô thị di sản kiến trúc nhằm hạn chế tối đa việc thu hẹp các vùng cảnh quan, các cụm rừng thông ngay trong nội ô thành phố để xây dựng nhà ở.

- Xây dựng quy hoạch các vành đai bảo vệ, cấm khai thác cây rừng để không làm ô nhiễm đất và nước ở khu vực đầu nguồn. Tăng cường và đẩy mạnh công tác khuyến nông theo định hướng sản xuất rau an toàn nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Có biện pháp đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục mọi tầng lớp nhân dân về công tác bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái.

Tóm lại, để du lịch Đà Lạt phát triển bền vững với những đặc thù riêng là du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, sinh thái, chúng ta phải giải quyết tốt vấn đề phát triển thành phố cân đối, hài hòa trong cảnh quan thiên nhiên. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm không chỉ của một ngành, một cấp mà là vấn đề của toàn xã hội, nhằm xây dựng, bảo vệ và phát triển thành phố ngày một tốt đẹp hơn. ■

## ABC ĐÀ LẠT (thổ sản)

NGUYỄN HỮU TRANH

### LÊ VĂN TÁM

\* Tên một con đường dài 541 m, lộ giới: 10 m, nối với đường Trần Hưng Đạo ở phường 10. Tên đường được đặt từ năm 2002.

\* Lê Văn Tám sống gần chợ Đa Kao ở Sài Gòn. Tám là con nhà nghèo, đi bán lạc rang, đánh giày để kiếm sống.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ. Sau mấy hôm dò la kho xăng đạn lớn của quân Pháp ở Thị Nghè, Tám đã giấu dầu xăng trong người, chạy nhanh vào chỗ để xăng và xòe diêm. Cả kho xăng bốc cháy rồi lan tới kho đạn, Tám anh dũng hy sinh.

### LI-LY

\* Hoa li-ly (lily: *Lilium spp.*, họ *Liliaceae*) là một loài hoa cắt cành đẹp do Công ty Dalat Hasfarm trồng ở Đà Lạt từ năm 1993.

Hoa có giá trị về xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

Cây hoa li-ly được nhân giống từ củ hay nuôi cây vảy củ.



## LƯƠNG ĐÌNH CỬA

\* Tên một con đường dài 1.260 m, lộ giới: 10m, nối với Quốc lộ 20 ở phường 11.

Đường thường được gọi là đường Xóm Hồ và mang tên Lương Đình Cửa từ năm 2002.

\* Lương Đình Cửa sinh năm 1920, quê xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng trong một gia đình trí thức khá giả.

Sau khi đỗ tú tài, ông học Trường đại học y khoa Hồng Công, Đại học kinh tế Thượng Hải, thi vào Trường đại học tổng hợp Kiustu ở Nhật Bản. Tại đây, ông vừa lao động sản xuất trên các cánh đồng Nhật Bản, vừa nghiên cứu trong các phòng thí nghiệm hiện đại. Ông đã tốt nghiệp vào loại ưu và được chuyển lên học cao học.

Một thời gian sau đó, ông bảo vệ thành công luận án tiến sĩ nông học và được nhận làm giáo sư Trường đại học Phukuoka. Tại đây, ông kết hôn với bà Nobuko Nakamura.

Tuy danh vọng, tiền tài đã đạt được, nhưng ông luôn hướng về Tổ quốc, muốn đem hết tài năng, sức lực ra giúp dân, giúp nước.

Năm 1952, Lương Đình Cửa cùng vợ và hai con nhỏ về tạm ở Sài Gòn. Sau một thời gian ngắn, các chiến sĩ giao thông của Thành ủy Sài Gòn đưa ông và gia đình ra chiến khu.

Cuối năm 1954, ông và gia đình tập kết ra Bắc. Tại phòng khảo sát Viện khảo cứu nông lâm Bộ Nông lâm nghiệp, ông tập trung công sức vào việc cải tạo giống lúa NNI.

Ông tiếp tục lai thành công nhiều giống lúa và cây ăn quả mới. Ông còn đề ra nhiều cải cách cho đồng ruộng.

Năm 1968, ông được bổ nhiệm giữ chức Viện trưởng cây lương thực và thực phẩm.

Năm 1967, ông được Chính phủ và Quốc hội tặng danh hiệu Anh hùng lao động. Công trình khoa học "Chọn lai tạo các loại giống lúa chiêm xuân và hè thu" của ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.

Ông đột ngột từ trần ngày 28-12-1975 tại Hà Nội. Ngày 20-10-1984, hài cốt ông được đưa về cải táng ở nghĩa trang liệt sĩ Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh).



## LƯƠNG THẾ VINH

\* Tên một con đường dài 355 m, lộ giới: 16 m, nối với đường Hà Huy Tập ở phường 3. Tên đường được đặt từ năm 2002.

**Đặc điểm:** Cuối đường có Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng, Trường Tiểu học Thực nghiệm Lê Quý Đôn.

\* Lương Thế Vinh sinh năm 1441, người làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, đạo Sơn Nam (nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định).

Thuở nhỏ, ông học giỏi, thông minh lanh lợi lạ thường, được tôn là thần đồng.

Năm 1463, ông đỗ Trạng nguyên, vua Lê Thánh Tông cho ông làm Hàn lâm viện thị giảng kiêm Quản viện Hàn lâm, giảng thơ văn hầu vua.

Ông am hiểu văn chương, được vua giao soạn thảo văn thư giao tiếp với nhà Minh.

Ông giỏi cả về toán pháp, đo lường, viết sách *Đại thành toán pháp*, định các thước đo ruộng tính đất, nên người đời gọi ông là Trạng Luồng, được vua sai tiếp sứ nhà Minh.

Ông có tính hay khôi hài, sống giản dị, ham thích nghiên cứu Phật học, biên soạn *Thiên môn khoa giáo*, viết bài tựa tác phẩm *Nam tông tự pháp đồ*.

## LÝ NAM ĐỀ

\* Tên một con đường dài 1.170 m, lộ giới: 14 m, từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Phù Đổng Thiên Vương ở phường 8. Tên đường được đặt từ năm 2002.

**Đặc điểm:** Dọc đường có Khu Nội trú Trường Đại học Đà Lạt, nhiều biệt thự.

\* Lý Bí (Lý Bôn) là một hào trưởng thương dân ở huyện Thái Bình (thị xã Sơn Tây ngày nay).

Ông được nhà Lương giao coi việc quân ở Đúc Châu. Sau một thời gian, chứng kiến sự tham bạo của quân đô hộ cùng cảnh lầm than của dân chúng, ông từ quan, trở lại quê nhà, bàn bạc cùng anh là Lý Thiên Bảo nổi dậy khởi nghĩa. Hào kiệt khắp nơi kéo về đầu quân rất đông, trong đó có Triệu Quang Phục.

Năm 542, ông hội quân tướng trước chùa Linh Bảo, quyết định phát cờ tiến quân. Trong vòng ba tháng, nghĩa quân đã chiếm hầu hết các quận huyện, vây thành Long Biên. Quân Lương vội vã đầu hàng.

Năm 544, Lý Bí lên ngôi, xưng là Lý Nam Đế, lấy niên hiệu là Thiên Đức, đặt tên nước là Vạn Xuân, xây chùa Khai Quốc (Trần Quốc ngày nay).

Năm 545, quân Lương xâm lược nước ta, ông đem ba vạn quân ra chống giặc.

Năm 546, thành Gia Ninh (huyện Mê Linh) thất thủ, ông cùng các tướng sĩ chạy vào miền núi vùng Vĩnh Phú, xây dựng lại lực lượng.

Năm 548, ông bị mù mắt rồi mắc bệnh, từ trần. Nhân dân nhiều nơi lập đền thờ ông như thờ vua, lớn nhất là đền thờ Lý Nam Đế ở Trạm Trôi (Hà Tây).

## MAI XUÂN THƯỜNG

\* Tên một con đường dài 610 m, lộ giới: 14 m, từ đường Nguyễn Từ Lực đến đường Vạn Hạnh ở phường 8. Tên đường được đặt từ năm 2002.

\* Mai Xuân Thường (1860-1887) quê ở làng Phú Lạc, nay thuộc xã Bình Thành, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định.

Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, ông đứng ra chiêu mộ nghĩa quân phối hợp với Tổng đốc Đào Doãn Địch và được phong là Tán tương quân vụ. Sau khi Đào Doãn Địch mất, ông được tôn làm Nguyên soái.

Tháng 9 năm Ất Dậu (1885), ông làm lễ tế cờ tại Lộc Đồng rồi ra lệnh xuất quân. Thanh thế ngày một lẫy lừng.

Quân Pháp nhiều lần gửi thư dụ hàng nhưng không lay chuyển được tấm lòng kiên trinh bất khuất của ông. Không bắt được ông, Trần Bá Lộc bắt giam mẹ ông và các hương lý hai làng Phú Lạc và Phú Phong. Ông tự mình ra gặp Trần Bá Lộc tại đình Phú Phong. Trần Bá Lộc dụ ông hàng nhưng ông không chịu đầu hàng. Giặc giải ông về thành Bình Định và xử tử hình ông vào ngày rằm tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), lúc đó ông mới 27 tuổi. ■

## NHỮNG CÂY HOA LÀM THUỐC

DS. NGUYỄN THỌ BIÊN

### ĐÀO

Tên khoa học: *Prunus persica* L. Batsch

Thuộc họ: hoa Hồng (*Rosaceae*)

Đào có nguồn gốc từ Trung Quốc, Mông Cổ và được gây trồng ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có nước ta. Đào có nhiều loại khác nhau, như đào phai (hoa màu hồng, nhiều, lá màu xanh nhạt), đào bạch (hoa màu trắng, thưa), đào quả (hoa màu hồng nhạt, nhỏ, cánh đơn), đào bích (hoa màu đỏ thẫm, dày đặc, nở sát nhau, cánh hoa kép, lá màu xanh đậm). Người ta trồng đào chủ yếu để cắt cành cắm lọ vào ngày Tết Nguyên đán, cho quả để ăn và còn dùng để làm thuốc.

**Mô tả:** Đào là loại cây gỗ nhỏ, cao 4-8 m; vỏ màu nâu hồng hay xám; cành dài mềm, nhẵn, dễ uốn. Lá hình giáo, hẹp, đầu thuôn và nhọn. Mép lá có khía răng cưa nhỏ đều. Hoa màu hồng, gần như không cuống. Nhị nhiều,

dài bằng cánh hoa. Quả hạch nhiều lông có rãnh bên. Mùa hoa từ tháng 1-4.

**Bộ phận dùng:** Hoa, quả, lá, vỏ cây.

**Thành phần hóa học:** Phần thịt quả đào có chứa chất màu carotenoid, lycopene, eryptexantin; đường 15%, các acid hữu cơ (citric, tartaric), vitamin C, tinh dầu. Hạt đào chứa 50% dầu, 3,5% amygdalin, tinh dầu, men emulsin, cholin, acetylcholin. Hạt non chứa gibberelin. Lá đào chứa amyglalin, tanin, coumarin. Hoa đào chớm nở chứa glucosid, trifolin. Nhựa đào chứa l-arabinose, d-xylose, l-rhamnose, acid l-glucuronic.

**Công dụng:**

- Quả đào: vị ngọt, hơi đắng, mùi thơm, tính bình không độc. Có tác dụng bổ phổi, làm tươi sắc mặt.

- Hoa đào: vị đắng, mùi thơm, tính bình, không độc, có tác dụng hoạt huyết, tiêu đờm, lợi tiểu tiện, làm đẹp nhan sắc. Hoa đào phơi khô sắc uống 5-15 g trong ngày. Đàn bà có thai không nên dùng.

- Nhân hạt đào (đào nhân): vị đắng, ngọt, tính bình không độc, có tác dụng trị kinh nguyệt bế tắc, ứ huyết. Dùng chín thì hoạt huyết, nhuận tràng, liều dùng 5-15 g sắc uống hoặc kết hợp cùng các vị khác. Phụ nữ có thai hoặc người không có ứ trệ không nên dùng.

- Lá đào: vị đắng, tính bình, có độc. Có tác dụng sát trùng nơi viêm nhiễm. Dùng ngoài chữa mụn nhọt, ghẻ lở bằng cách sắc nước đặc để dùng. Lá đào độc, dùng thận trọng.

- Vỏ cây đào: vị đắng, tính bình không độc, có tác dụng trong dạ dày nóng, sát trùng nơi mụn nhọt lở loét. Liều dùng ngày từ 4-6 g dạng thuốc sắc. Hậu họng tê, đau răng dùng vỏ cây đào sắc lấy nước ngậm nhiều lần rồi nhổ.





### MAI

Còn gọi là Mai vàng, Huỳnh mai

Tên khoa học: *Ochna integerrima* (Lour.) Merr. (*O. harmandii* H. Lec.)

Thuộc họ: Mai (*Ochnaceae*)

Mai được trồng tại Ấn Độ, Myanma, Thái Lan, Malaixia, Trung Quốc, Campuchia, Lào. Ở nước ta, cây mọc hoang ở trong rừng miền Trung và miền Nam dưới độ cao 1.200 m. Mai được trồng làm cây cảnh và còn dùng làm thuốc.

**Mô tả:** Mai là loại cây gỗ nhỏ, cao 3-7 m, cành nhánh thưa, dài, mảnh. Lá đơn, mọc cách, mép có răng cưa nhỏ. Hoa có cánh ngắn màu vàng tươi, có mùi thơm. Quả có nhiều hạch nhỏ, không cuống xếp quanh đế hoa. Cây ra hoa từ tháng 1-4.

**Bộ phận dùng:** Vỏ.

**Công dụng:** Vỏ cây mai vị đắng, có tác dụng giúp tiêu hóa. Người ta ngâm vỏ vào rượu uống làm thuốc bổ, lợi tiêu hóa.

Ngoài cây Mai vàng còn có cây Mai chiếu thủy có tên khoa học là *Wrightia religiosa* (Tejems. Binn.) Hook.f, họ Trúc đào: *Apocynaceae*. Cây thân gỗ xù xì, nhiều cành. Lá mỏng hình trái xoan thuôn. Hoa màu trắng xòe rộng, rất thơm. Quả đại một đôi, màu xanh. Hạt có lông mềm. Ở Campuchia, hoa của Mai chiếu thủy có mùi thơm hoa Nhài, được dùng ướp thơm.

Cây Mai cánh lõm có tên khoa học là *Campylo spermum serratum* (Geartn). Cây to cao 6-10 m. Lá phiến tròn dài, không lông. Hoa chùm tụ tán ở nách, màu vàng. Rễ, cành gỗ, kiện vị, chống nôn. Rễ lá sắc uống trị kiết lý, sốt.

### CÚC HOA VÀNG

Còn gọi là Hoàng cúc, Kim cúc

Tên khoa học: *Chrysanthemum indicum*

Thuộc họ: Cúc (*Asteraceae*)

Nguồn gốc ở Trung Quốc, Đông Á.

**Mô tả:** Cây thảo sống hàng năm, thân cứng cao 1 m. Lá thơm, có thùy sâu, không lông. Cụm hoa hình đầu ở nách lá hay ở đỉnh cành, các hoa vòng ngoài hình lưỡi xếp 2 vòng, các hoa ở trong thành hình ống, màu vàng.

**Bộ phận dùng:** Thân, lá, hoa.

**Thành phần hóa học:** Cây chứa guaian, artegla-sin (gây dị ứng khi dính vào da)... Hoa chứa stachidrin, vitamin A, tinh dầu, chất màu của hoa là do có chrysanthematin. Tinh dầu chứa long não, crisantenon, limomen, pinens miacen, băng phiến.

**Công dụng:** Cúc hoa vàng có vị đắng, cay, tính hơi hàn, có tác dụng thanh nhiệt giải độc, mát gan, sáng mắt. Thường dùng trong các trường hợp: phòng cảm lạnh, chóng mặt, nhức đầu, hoa mắt, đau mắt đỏ, viêm gan, kiết lý... Liều dùng: 8-12 g hoa hoặc cành lá sắc uống.

Dùng ngoài giã hoa, lá tươi đắp trị đinh nhọt, chấn thương...

Cúc hoa trắng hay Bạch cúc như cây Cúc hoa vàng nhưng hoa màu trắng, công dụng như Cúc hoa vàng, người ta thường dùng để pha trà hay rượu để uống.

Trung Quốc đã nghiên cứu chữa đau thắt ngực, ức chế vi khuẩn, kháng viêm.

Nhật đã nghiên cứu chống u bướu. ■





## NHẬP NỘI GIỐNG CHÈ Ở LÂM ĐỒNG - KẾT QUẢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG

**THS. PHAN QUỐC HÙNG**

*Trung tâm NCCG kỹ thuật cây công nghiệp và cây ăn quả Lâm Đồng*

### **1. Tình hình nghiên cứu và kết quả đạt được trong thời gian qua**

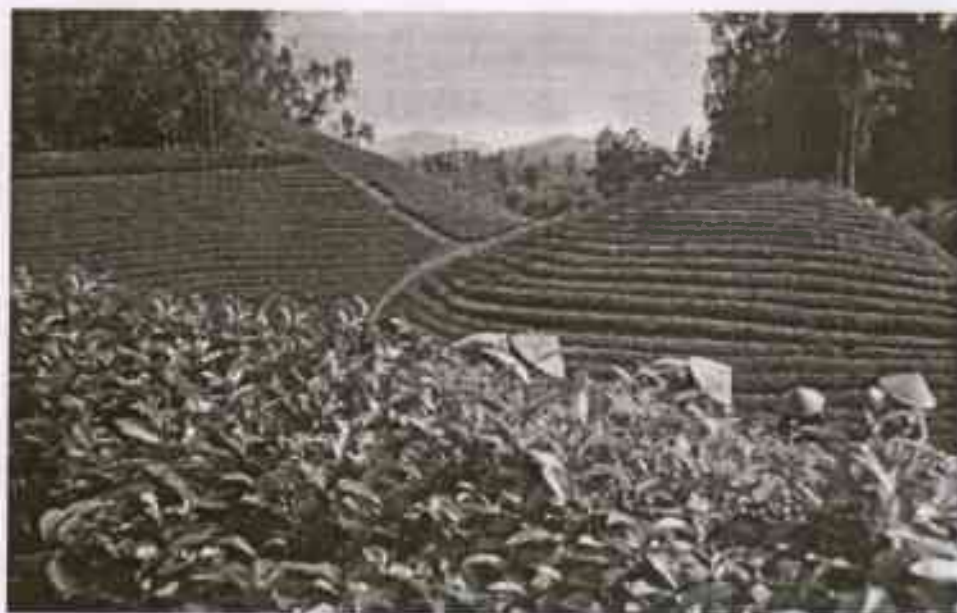
Chè là cây công nghiệp dài ngày và được coi là cây truyền thống từ lâu đời của ngành nông nghiệp nước ta. Diện tích chè hiện nay trên toàn quốc là 122.460 ha, được trồng tập trung chủ yếu ở các tỉnh Thái Nguyên, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Nghệ An, Lào Cai, Lâm Đồng. Cùng với 20 năm đổi mới đất nước, những năm qua cuộc cách mạng giống cây trồng vật nuôi được đặc biệt chú trọng. Chè cũng là một trong những cây trồng được quan tâm. Nhiều giống chè mới có ưu thế đã thay thế dần những giống chè cũ năng suất thấp.

Hiện nay, có khoảng 151 giống chè, trong đó chủ yếu là nhóm giống chè Shan (Tham Vè, Trấn Ninh...), chè trung du (lá to, lá

nhỏ). Ở các tỉnh trồng chè khu vực phía Bắc, nhiều giống chè mới được nhập, chọn tạo và đưa vào sản xuất đại trà như: LDP1, PH1, LDP2, Bát Tiên, Đại Bạch Trà, Vân Xương... Ở khu vực phía Nam mà chủ yếu là Lâm Đồng, nhiều giống chè quý cũng đã nhập, chọn lọc và phóng thích.

Công việc di nhập, khảo nghiệm giống những năm qua đã được tinh quan tâm trong chiến lược phát triển lâu dài. Nhiều chương trình nghiên cứu, khảo nghiệm của trung ương, tỉnh, doanh nghiệp được thực hiện, bước đầu đã đạt một số kết quả như sau:

Có được tập đoàn giống chè - quỹ gen quý trong tập đoàn quỹ gen chè được tập hợp nhiều năm nay. Hiện tại đã có trên 70 dòng, giống trong tập đoàn giống ở Lâm Đồng. Tập đoàn giống này hiện đang được tiếp



tục nghiên cứu để đánh giá, khẳng định, đi tới công nhận giống, từng bước đưa những giống chè có nhiều triển vọng vào sản xuất đại trà. Các giống được đặc biệt chú ý là Phúc Vân Tiên, Keo Am Tích, Hùng Đình Bạch và Cynrual 143. Đây là các giống được nhập từ tập đoàn chè tốt của Trung Quốc, Indonesia và Srilanca.

Nhiều giống chè nhập nội đã sớm được đưa vào sản xuất đại trà, góp phần quan trọng cho một hướng sản xuất chè mới: chè chất lượng cao. Đây là những giống chè có năng suất và đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn giống chè địa phương. Những giống chè này cũng đem lại một loại sản phẩm mới mà chỉ có ở một vùng thị trường (Đài Loan, Trung Quốc) nhưng có một sắc thái rất riêng biệt: chè Olong. Đó là các giống chè Kim Tuyên, Ngọc Thúy, Tứ Quý, Olong Thanh Tâm, Olong trắng. Các giống chè này hiện nay không những chỉ phổ biến ở Lâm Đồng (diện tích hơn 1.500 ha) mà được nhân ra ở nhiều địa phương khác, đem lại những sắc thái riêng biệt của chủng loại giống.

Việc tìm ra nhiều nhóm giống chè có những đặc tính riêng biệt là điều rất cần thiết cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Từ những nhóm giống khác nhau mang những đặc tính riêng giúp cho việc hoạch định được các vùng chuyên canh sản xuất nhằm có được những sản phẩm hàng hóa mang tính đặc thù, đa dạng về chủng loại, đặc biệt về chất lượng, độc đáo về mẫu mã. Từ đó góp phần rất lớn trong khâu tiêu thụ hàng hóa một cách ổn định trên thị trường.

Bộ giống chè hiện có ở Lâm Đồng gồm những nhóm giống chè với những đặc tính khác nhau: đa dạng về hình thức chế biến, phong phú về chất lượng... được nhập về từ nhiều nước. Do vậy, việc đánh giá, chọn lọc và phóng thích các giống nhập nội kết hợp với những giống chè được chọn lọc, lai tạo rút ra từ trong bộ giống của địa phương là cơ sở cho những vùng chuyên canh đặc sản chè trong tương lai.

## 2. Một số đề xuất

Khâu chọn lọc và phóng thích giống chè, như đã đề cập ở trên là rất quan trọng. Việc lựa chọn những giống có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương để đưa ra sản xuất đại trà sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao. Quá trình chọn lọc để tìm ra những giống chè thích hợp với điều kiện sản xuất và công nghệ chế biến là việc làm không có điểm dừng.

Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu thị hiếu, thị trường để hướng tới những bộ giống phục vụ cho từng loại sản phẩm là rất quan trọng. Do vậy, định hướng đi nhập giống và nghiên cứu khảo nghiệm cần tập trung vào những bộ giống chè đặc sản. Từ những bộ giống này đi tới phát triển sản phẩm trên thị trường:

- Cần có thương hiệu riêng cho từng bộ giống, từng loại sản phẩm;

- Tiếp tục khai thác sản phẩm truyền thống như chè xanh, chè đen nhưng cần chú trọng ổn định chất lượng, ngoại hình đẹp;

- Đẩy mạnh công tác đa dạng hóa sản phẩm: chè Olong, chè vàng. Chú ý nghiên cứu những sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của xã hội phát triển: sản phẩm chè túi lọc, chè hòa tan, chè xanh nguyên chất, chè thuốc (trong chè có nhiều chất là dược liệu quý), mỹ phẩm... Đặc biệt cần khai thác thêm các hướng mới về chè như kẹo chè, bánh chè, cháo chè, cơm chè...

## 3. Định hướng phát triển

Đa dạng chủng loại giống là một việc làm cần thiết trong quy hoạch các vùng chuyên canh chè. Cần lưu ý tới các vùng nguyên liệu chế biến chè xanh, chè đen, chè Olong... Sự phát triển này phải được định hướng lâu dài và bền vững.

Bên cạnh đó, an toàn sản phẩm là một vấn đề luôn luôn được quan tâm, là cơ sở để cạnh tranh và đảm bảo uy tín của sản phẩm, thương hiệu. Do vậy, công tác quản lý, khuyến cáo, nâng cao trình độ người sản xuất thực sự phải là chương trình lâu dài, đều khắp và phải có chất lượng. ■

## ĐIỀU TRA, XÁC ĐỊNH NGUYÊN NHÂN GÂY BIẾN DẠNG CÀ RỐT VÀ XÂY DỰNG BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Phòng Thông tin và Sở hữu trí tuệ - Sở KH&CN Lâm Đồng

Hiện tượng biến dạng củ cà rốt như củ bị chia, mọc lông, u sưng, nứt củ đã xuất hiện từ lâu tại thành phố Đà Lạt, huyện Đức Trọng và Lạc Dương. Những năm trước đây, hiện tượng biến dạng củ cà rốt chỉ xuất hiện và gây hại rải rác tại Đà Lạt. Từ năm 2004 đến nay, hiện tượng biến dạng củ cà rốt có chiều hướng gia tăng nhanh, đặc biệt tại các khu vực chuyên canh cà rốt như Xuân Thọ, phường 5, phường 11 (Đà Lạt) và xã Hiệp An (Đức Trọng). Theo Chi cục Bảo vệ thực vật (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng), trong năm 2006, diện tích cà rốt bị biến dạng chiếm khoảng 1.050 ha (Đà Lạt 880 ha, Đức Trọng 140 ha, Lạc Dương 30 ha) với tỷ lệ củ bị hại chiếm từ 5-65% đã gây thiệt hại đáng kể cho nông dân trồng cà rốt.

Từ tháng 4/2006 đến tháng 12/2007, đề tài khoa học cấp tỉnh "Xác định nguyên nhân và xây dựng biện pháp phòng trừ bệnh biến dạng củ cà rốt" đã được nhóm các nhà nghiên cứu của Chi cục Bảo vệ thực vật triển khai thực hiện. Vừa qua, Hội đồng Khoa học Công nghệ của tỉnh đã tiến hành nghiệm thu chính thức đề tài này. Kết quả đề tài là bước đầu xác định được nguyên nhân gây hiện tượng biến dạng củ cà rốt và đề xuất biện pháp hạn chế thiệt hại do bệnh này gây nên.

Qua phân tích mẫu đất, mẫu nước của vùng trồng cà rốt và phân tích chỉ tiêu lý hóa của củ bị biến dạng đã xác định được nguyên nhân làm biến dạng củ cà rốt như sau:

+ Củ bị chia (chiếm 75% loại củ biến dạng) do tuyến trùng *Pratylenchus* sp gây ra. Đây là loại tuyến trùng nội ký sinh di động rất phổ biến trong đất và củ bị hại tại Đà Lạt.

+ Củ bị nứt (chiếm 10% loại củ biến dạng) do

tuyến trùng *Pratylenchus* sp, *Helicotylenchus*, *Aphelenchus* (2 loài *Helicotylenchus* và *Aphelenchus* là tuyến trùng ngoại ký sinh di động, ký sinh yếu trên cà rốt).

+ Củ bị u sưng, củ có nhiều hạt đeo trên rễ (chiếm 10% loại củ biến dạng) do tuyến trùng *Meloidogyne* sp gây hại. Đây là loại tuyến trùng nội ký sinh không di động.

+ Củ bị mọc lông (chiếm 55% loại củ biến dạng) do tuyến trùng *Helicotylenchus* và *Aphelenchus* gây hại và các nguyên nhân khác chưa rõ.

Tỷ lệ củ bị biến dạng, loại hình biến dạng phụ thuộc vào một số loài tuyến trùng và các điều kiện ngoại cảnh khác. Củ bị biến dạng phần lớn có hàm lượng chất béo, glucid, chất xơ cao hơn bình thường, đặc biệt là hàm lượng glucid cao trong củ chia và củ có dạng hạt đeo trên rễ. Hàm lượng protein và caroten thấp hơn rõ rệt so với củ bình thường.





Qua nhiều khảo nghiệm, thí nghiệm có nông dân tham gia, nhóm nghiên cứu đã đề xuất quy trình phòng trừ bệnh biến dạng củ cà rốt và khuyến cáo nông dân thực hiện gồm biện pháp canh tác, biện pháp sinh học và biện pháp hóa học:

*- Biện pháp canh tác:*

**Giống:** các giống cà rốt phổ biến tại Lâm Đồng là giống địa phương, giống CR9, giống cà rốt Nhật đều bị biến dạng củ. Trong đó, giống cà rốt CR9 có tỷ lệ củ bị biến dạng thấp nhất. Hiện nay không có giống cà rốt nào kháng bệnh này.

**Đối với đất trồng:** nên chọn đất trồng có kết cấu nhẹ, thoát nước tốt. Cần triệt để vệ sinh đồng ruộng như thu gom tàn dư cây bệnh, không để củ bị nhiễm bệnh thối mục trên đồng ruộng. Không đưa các vật dụng, dụng cụ lao động từ các ruộng bị nhiễm bệnh vào ruộng. Phải tiến hành vệ sinh dụng cụ lao động khi chuyển từ ruộng này qua ruộng khác. Đất trồng cà rốt nên luân canh với một số cây trồng ít nhiễm tuyến trùng như dền, khoai tây hoặc hoa lay ơn.

**Bón phân:** bón phân theo quy trình sản xuất cà rốt an toàn với lượng phân tổng số cho 1 ha như sau: phân chuồng 4-5 m<sup>3</sup>, vôi 1.000-1.500 kg, lân vi sinh 200-300 kg, N-P-K 150:120:150. Ngoài bón lót, mỗi vụ cần tưới 4 lần bón thúc (thời điểm sau khi gieo hạt từ 20, 30, 40 và 50 ngày).

Sử dụng hạt giống tốt, chắc, mẩy có tỷ lệ này mầm trên 85%. Cần phải xử lý hạt giống trước khi gieo bằng thuốc Vimoca 20 ND (40 ml/10 lít nước), ngâm hạt trong vòng 8 giờ, sau đó hong khô và đem gieo. Lượng hạt gieo từ 1,5-2 kg/1.000 m<sup>2</sup>. Khi cây cao khoảng 5-8 cm thì tiến hành tỉa lần 1, tỉa lần 2 thực hiện khi cây cao 12-15 cm. Tỉa cây có khoảng cách hàng 20x20 cm trong mùa mưa; 20x15 cm trong mùa khô. Khi củ bắt đầu phát triển, mỗi tuần chỉ cần tưới 1-2 lần bảo đảm độ ẩm từ 60-70%.

*- Biện pháp sinh học:*

Một biện pháp phòng trừ bệnh biến dạng củ cà rốt có hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường là biện pháp sinh học trồng xen cúc

vạn thọ với cà rốt. Theo kết quả khảo nghiệm, nếu trồng xen cây cúc vạn thọ vào vườn cà rốt, tỷ lệ củ cà rốt biến dạng sẽ giảm với mật độ trồng xen từ 10.000-17.000 cây/ha (hàng đơn so le 0,5-0,8 m/cây). Nếu mật độ trồng xen quá lớn sẽ ảnh hưởng tới mật độ trồng cà rốt cũng như khả năng sinh trưởng của những cây bên cạnh làm giảm năng suất. Tỷ lệ củ cà rốt biến dạng chỉ còn lại dưới 8% nếu trồng xen cúc vạn thọ với tỷ lệ trên kết hợp với xử lý đất bằng hóa chất Etobon. Trồng xen cúc vạn thọ, năng suất cà rốt có giảm so với ruộng không trồng xen, nhưng tổng thu nhập của cà rốt và hoa trên cùng diện tích đã cao hơn nhiều do hạn chế được thiệt hại của các tác nhân gây hại lên cà rốt, giảm được chi phí đầu tư chăm sóc, chi phí bảo vệ thực vật và chất lượng củ cà rốt cũng tăng rõ rệt. Đây là biện pháp phòng trừ bệnh biến dạng củ cà rốt phù hợp với chủ trương sản xuất nông sản sạch hiện nay mà ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đang triển khai quyết liệt tại địa phương.

*- Biện pháp hóa học:*

Biện pháp hóa học được khuyến cáo áp dụng là xử lý đất trước khi trồng bằng Etobon 0,56 SC (nồng độ 0,75 lít/ha) và Molbeng 4 SL (0,75 lít/ha). Đối với những vườn bị hại nặng cần xử lý 2 lần trước khi trồng và 7-10 ngày sau khi trồng. Hoặc sử dụng Sincosin 0,56 SL (0,75 lít/ha) + Agrispon 0,56 SL (0,75 lít/ha), lượng nước thuốc 60/1.000 m<sup>2</sup>.

\*  
\* \*

Những kết quả nghiên cứu của đề tài trên là rất cấp thiết cho sản xuất cà rốt tại Đà Lạt nói riêng và vùng trồng cà rốt khác ở Lâm Đồng nói chung. Giúp cho nông dân có những thông tin về nguyên nhân gây hiện tượng biến dạng củ cà rốt. Từ đó, khuyến cáo nông dân chủ động lựa chọn biện pháp phòng ngừa thích hợp để hạn chế bệnh hại trên vườn rau của nông hộ. Đồng thời đề xuất kiến nghị với các cơ quan chức năng, chuyên môn của địa phương tăng cường biện pháp quản lý, khuyến cáo biện pháp phòng ngừa cho nông dân trong tỉnh. ■

## TIN HOẠT ĐỘNG KHCN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2008

\* Trong tháng 5 vừa qua, Đ/c Huỳnh Phong Tranh - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng đã đến thăm và làm việc với Sở KH&CN. Đ/c Bí thư đã ghi nhận và biểu dương những kết quả hoạt động KHCN góp phần thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006-2010 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII. Đ/c Bí thư nhấn mạnh đến những khó khăn hiện nay của tỉnh. Đó cũng chính là đơn đặt hàng cho các nhà khoa học nghiên cứu, giải quyết góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh.

\* Techmart khu vực Tây Nguyên lần đầu tiên được tổ chức tại Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (từ ngày 24/4 đến 27/4/2008). Sở KH&CN tỉnh Lâm Đồng đã giới thiệu một số đơn vị tham gia là: Trung tâm Ứng dụng KHCN và Tin học tỉnh Lâm Đồng, Cơ sở sản xuất tranh bướm Ánh Kim, Viện Sinh học Tây Nguyên, Công ty cổ phần nược bia Đà Lạt, Công ty Cổ phần dược Lâm Đồng, ... Qua hội chợ, các doanh nghiệp trong tỉnh đã giới thiệu được thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của mình.

\* Sáu tháng đầu năm 2008, Sở KH&CN đã hướng dẫn cho 27 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh liên quan đến các nội dung về sở hữu trí tuệ, đăng ký nhãn hiệu, khiếu nại công nghiệp.

\* UBND tỉnh Lâm Đồng vừa ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận chèn B'Laio và dứa Cayenne Đơn Dương. Trong thời gian tới, Sở KH&CN tiếp tục thực hiện việc đăng ký và quảng bá 2 nhãn hiệu này nhằm nâng cao giá trị của những đặc sản địa phương.

\* Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã kiểm tra định kỳ 2.768 phương tiện đo như công tơ điện, đồng hồ áp suất, cột đo nhiên liệu, cân phân tích kỹ thuật, cân thông dụng, taximet, huyết áp kế, ... Qua kiểm tra phát hiện 148 phương tiện đo không đạt yêu cầu về kỹ thuật. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã phối hợp các sở ngành liên quan kiểm tra 18 cơ sở kinh doanh dây điện bọc nhựa PVC và các dụng cụ điện; 20 cơ sở kinh doanh sắt thép xây dựng.

### HỢP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Tập san Thông tin Khoa học Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài viết của các tác giả: Hoàng Ngọc Huy, Lương Văn Ngụ, Phạm Thị Nhâm, Trần Thị Thùy Dương, Trần Sỹ Thứ, Hoàng Cẩm Tú, Nguyễn Thọ Biên, Nguyễn Tùng Châu, Nguyễn Xuyên, Đặng Hữu Huy, Chu Tuấn, Lê Văn Lai, Phan Quốc Hùng, Vũ Thị Yên...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp đăng trong thời gian thích hợp. Hy vọng rằng sự cộng tác này ngày càng bền chặt hơn.

Trong số tiếp theo của năm 2008, Tập san sẽ tập trung vào chủ đề: Vấn đề tiêu chuẩn đo lường chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong giai đoạn hội nhập. Rất mong sẽ tiếp tục nhận được nhiều tin, bài cộng tác của các bạn.

Địa chỉ liên hệ:

**Phòng Thông tin - Sở hữu trí tuệ**  
Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng  
35 Trần Hưng Đạo Đà Lạt  
Điện thoại: 063.833163 Fax: 063.824941  
Email: tapsan@dalat.gov.vn



# MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG



Đồng chí Huỳnh Phong Tranh - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Lâm Đồng đến thăm và làm việc tại Sở



Tham gia Techmart Tây Nguyên tại thành phố Buôn Mê Thuật - tỉnh Đắk Lắk



Hội thi kể chuyện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"



Đại hội chi đoàn cơ sở Sở KH&CN Lâm Đồng  
Nhiệm kỳ 2008 - 2010





Trình thực hiện hoạt động  
kỹ thuật về môi trường để phục vụ  
công tác quản lý nhà nước

Tham gia nghiên cứu các đề tài,  
dự án khoa học công nghệ về môi  
trường

Thực hiện chương trình quan trắc và giám  
sát về chất lượng môi trường nước mặt, nước ngầm, nước thải, đất, không  
khí, tiếng ồn...:

- + Khảo sát hiện trường, thu mẫu, phân tích và xử lý số liệu
- + Đánh giá diễn biến chất lượng môi trường, xác định các nguyên nhân

Thực hiện dịch vụ môi trường theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân:

- + Tư vấn: lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ  
môi trường và thiết kế các công trình xử lý về môi trường
- + Phân tích các mẫu môi trường

## TRẠM QUAN TRẮC & GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG LÂM ĐỒNG

37 PASTEUR - ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG - ĐT: 063.541369 - FAX: 063.561554

Email: [quantracmoitruong@dalat.gov.vn](mailto:quantracmoitruong@dalat.gov.vn)